



CHÍNH TRỊ CẤP CAO CỦA TRUNG QUỐC VÀ VIỆC TRUNG – MỸ XÍCH LẠI GẦN NHAU, 1/1969- 2/1972

Nguồn: Yafeng Xia (2006). "China's Elite Politics and Sino-American Rapprochement, January 1969–February 1972", *Journal of Cold War Studies*, Vol. 8, No. 4, Fall 2006, pp. 3–28

Biên dịch và Hiệu đính: Vũ Thị Hương Giang

Các học giả phương Tây từ lâu cho rằng có sự phản đối ở các cấp cao trong Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) chống lại các nỗ lực của Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai vào cuối những năm 1960 và đầu những năm 1970 nhằm tiếp cận Hoa Kỳ.¹ Các

¹ Suốt cuộc gặp thượng đỉnh Trung-Mỹ tháng 2-1972, Mao đã cố tình tạo ra ấn tượng này, [ông ta] nói với Nixon: "Ở đất nước chúng tôi cũng có một nhóm đối lập phản đối việc chúng tôi tiếp xúc với ông. Kết quả là họ lên máy bay và chạy ra nước ngoài." Xem thêm "Memorandum of Conversation [Mao and Nixon], 21-2-1971", Box 91, National Security Files (NSCF), Nixon Presidential Materials Project (NPMP), National Archive II (NARA). Trong hồi ký của mình, Henry Kissinger viết rằng Lâm Bưu, khi đó còn là Bộ trưởng Quốc phòng Trung Quốc và là người kế nhiệm được chọn của Mao, đã phản đối việc Trung Quốc nối lại quan hệ với Hoa Kỳ. Xem Henry Kissinger, *White House Years* (Boston: Little, Brown, 1979), tr. 696-697. Lời buộc tội này đã liên tục được phát tán trong giới học giả phương Tây. Ví dụ, xem Kenneth Lieberthal, "Domestic Politics and Foreign Policy," trong Harry Harding, *China's Foreign Relations in the 1980s* (New Haven: Yale University Press, 1984), tr. 52; John Garver, *China's Decision for Rapprochement with the United States, 1969–1971* (Boulder, CO: Westview Press, 1982), tr. 134–137; Robert S. Ross, "From Lin Biao to Deng Xiaoping: Elite Instability and China's U.S. Policy," *China Quarterly*, Số 118 (tháng 6-1989), tr. 267–268; Rosemary Foot, *The Practice of Power: U.S. Relations with China since 1949* (Oxford, UK: Clarendon Press, 1995), p. 105; Robert Ross, *Negotiating Cooperation: The United States and China, 1969–1989* (Stanford, CA: Stanford University Press, 1995), tr. 27; và William Bundy, *A Tangled Web: The Making of Foreign Policy in the Nixon Presidency* (New York: Hill and Wang, 1998), tr. 109, 165. Gần đây nhất: James Mann, *About Face: A History of America's Curious Relationship with China* (New York: Alfred A. Knopf, 1999), tr. 26; và Jeffrey Kimball, *Nixon's Vietnam War* (Lawrence: University of Kansas Press, 1998), tr. 261. Robert Garson cho rằng vợ của Mao – Giang Thanh, người dẫn đầu nhóm cấp tiến – đã phản đối việc nối lại quan hệ với Hoa Kỳ. Xem Robert Garson, *The United States and China since 1949* (Teaneck, NJ: Fairleigh Dickinson University Press, 1994), tr. 123. Trong tiểu sử gần đây và gây tranh cãi về Mao Trạch Đông, Jung Chang và Jon Halliday không nói gì về vai trò

văn bản và tư liệu của những người tham gia trực tiếp được xuất bản ở Trung Quốc suốt hai thập niên qua khiến lập luận này trở nên đáng ngờ. Các nguồn mới bằng tiếng Hoa trái ngược với tin đồn cho rằng lãnh đạo Trung Quốc bị chia rẽ trong vấn đề xích lại gần với Hoa Kỳ - những tin đồn chủ yếu bắt nguồn từ lý giải của Henry Kissinger đối với cách Mao miêu tả Lâm Bưu trong một lần gặp Richard Nixon vào tháng 2-1972.

Bài viết này nhìn lại quá trình hoạch định chính sách của Trung Quốc đối với Hoa Kỳ trong giai đoạn then chốt từ tháng 1-1969 tới tháng 2-1971. Bài viết lần theo quan điểm của các nhà lãnh đạo Trung Quốc (đặc biệt là Mao, Lâm và Chu) đối với các sự kiện lớn trong quan hệ Hoa Kỳ - Trung Quốc, trong đó có "Nhóm nghiên cứu của bốn nguyên soái"; các chỉ thị cho Lôi Dương (Lei Yang) liên quan tới hai cuộc thương lượng cấp đại sứ Trung-Mỹ cuối cùng; việc tiến tới sự kiện "ngoại giao bóng bàn"; cuộc họp của Bộ Chính trị ĐCSTQ vào tháng 5-1971 về chuyến thăm bí mật của Kissinger vào tháng 7; sự đối xử thô bạo đối với nhóm tiền trạm của Alexander Haig ở Trung Quốc tháng 1-1972; và những tranh cãi xung quanh các bản thảo của bản thông cáo chung trong chuyến thăm Trung Quốc của Nixon.

Cơ cấu hoạch định chính sách đối ngoại của Trung Quốc dưới thời Mao: 1949-1976

Chính trị trong nước là "bối cảnh nội bộ" của chính sách đối ngoại.² Ở một xã hội dân chủ, áp lực trong nước đối với chính sách đối ngoại gồm có công luận, cơ quan lập pháp, báo chí và các nhóm lợi ích hùng mạnh. Tuy vậy, dưới sự kiểm soát toàn trị của Mao, việc hoạch định chính sách đối ngoại ở Trung Quốc nằm trong tay một nhóm nhỏ giới tinh hoa chính trị. Một số học giả phương Tây đã cho rằng "các nhóm quan điểm" ở Trung Quốc đã có thể gây ảnh hưởng với Bộ Chính trị (BCT) ĐCSTQ và nội bộ giới lãnh đạo Trung Quốc bị chia bè chia phái.³ Bài viết này thách thức "mô hình chủ nghĩa bè phái" bằng cách tập trung vào việc hoạch định chính sách đối ngoại của Trung Quốc vào cuối những năm 1960 và đầu những năm 1970.

của Lâm Bưu trong việc nối lại quan hệ Trung-Mỹ. Xem Jung Chang và Jon Halliday, *Mao: The Unknown Story* (New York: Alfred A. Knopf, 2005).

² Richard C. Snyder, H.W. Bruck, và Burton Sapin, "The Decision-Making Approach to the Study of International Politics," trong James N. Rosenau, ed., *International Politics and Foreign Policy: A Reader in Research and Theory* (New York: Free Press, 1969), tr. 203.

³ Andrew Nathan, "A Factionalism Model for CCP Politics," *China Quarterly*, Số 53 (Tháng 1-3/1973), tr. 34. Đáp lại "mô hình bè phái" của Nathan, Tang Tsou cho rằng "mô hình của Nathan chỉ giải thích một phần nhỏ trong nền chính trị tinh hoa của Trung Quốc" và có một trọng tâm hẹp. Xem Tsou, "Chinese Politics at the Top: Factionalism or Informal Politics? Balance-of-Power Politics or a Game to Win All?" *China Journal*, Số 34 (Tháng 7-1995), tr. 122.

Từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (CHNDTH) ra đời năm 1949, Mao – với tư cách là Chủ tịch ĐCS TQ – đã có đủ quyền lực để một tay ấn định chương trình nghị sự và đường lối chính sách đối ngoại. Ông đã giao cho Thủ tướng Chu Ân Lai, lúc đó cũng là Ngoại trưởng, giữ vai trò một nhà quản lý giám sát các khía cạnh thường nhật của công tác đối ngoại. Vai trò của Ban Bí thư ĐCS TQ gồm năm người, và sau này là Ban thường vụ của BCT, chỉ là nhằm hợp pháp hóa các quyết định chính sách lớn của Mao. Các cuộc họp của BCT giúp ông ta cân nhắc hơn thiệt các quyết định chính sách đối ngoại chủ yếu và để vượt qua đối lập, xây dựng sự đồng thuận sau khi ông ta ra quyết định.⁴ Cho tới Cách mạng Văn hóa năm 1966, “một mình Mao đã nhận các tờ trình phương án của Bộ Ngoại giao từ Chu Ân Lai để ra quyết định, với các bản sao nhằm mục đích thông báo được gửi cho Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình và Bành Chân (Peng Zhen)”.⁵ Quy trình này bị gián đoạn tạm thời vào giai đoạn đầu của Cách mạng Văn hóa, nhất là từ tháng 5 tới tháng 8-1967.⁶ Tuy vậy, Mao đã lấy lại được quyền kiểm soát đầy đủ đối với quá trình hoạch định chính sách đối ngoại từ sau tháng 8-1967.

Bởi vì các nhóm lợi ích, báo chí và công luận ở Trung Quốc không có ảnh hưởng độc lập lên chính sách đối ngoại thời kỳ Mao (1949-1976) nên rất cần phân tích nền chính trị tinh hoa của Trung Quốc để hiểu được chính sách đã được hoạch định như thế nào vào thời gian đó. Giới tinh hoa là một tập thể “có bản sắc riêng, có cấu trúc nội bộ và vị thế cao nhờ vào vai trò đặc biệt của họ trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách”.⁷ Trong những thập niên dưới thời Mao, giới tinh hoa chính trị của Trung Quốc bao gồm các nhà lãnh đạo chủ chốt của ĐCS, nhà nước và quân đội; và giới tinh hoa chính trị về chính sách đối ngoại của Trung Quốc gồm có Mao, Lưu, Chu và các thành viên khác của BCT.⁸ Bài viết này phân tích

⁴ Lu Ning, *The Dynamics of Foreign-Policy Decision-Making in China*, bản in lần hai, (Boulder, CO: Westview Press, 2000), tr. 161–162.

⁵ Carol Lee Hamrin, “Elite Politics and Foreign Relations,” trong Thomas W. Robinson và David Shambaugh, eds., *Chinese Foreign Policy: Theory and Practice* (Oxford, UK: Clarendon Press, 1994), tr. 83.

⁶ Từ tháng 5 tới tháng 8-1967, Bộ Ngoại giao không hoạt động bình thường vì cuộc tấn công từ “phái phản loạn”. Tất cả các cán bộ lãnh đạo, trong đó có Ngoại trưởng Trần Nghị, bị tấn công và không được phép đi làm. Quan hệ của Trung Quốc với nhiều nước xấu đi. Văn phòng đại biện lâm thời Anh quốc ở Bắc Kinh bị “phái phản loạn” đốt ngày 22-8-1967. Sau sự cố này, được sự ủng hộ của Mao, Chu Ân Lai đã giành lại kiểm soát đối với công tác đối ngoại. Để đọc bản tiếng Trung về giai đoạn này, xem Jin Ge, “Zai waijiaobu ‘duoquan’ qianhou” [The Beginning and End of “Seizing Power” in the Foreign Ministry], in An Jianshe, ed., *Zhou Enlai de zuihou suiyue, 1966–1976* [Zhou Enlai’s Final Years, 1966–1976] (Beijing: Zhongyang Wenxian Chubanshe, 1995), tr. 207–243.

⁷ Robert A. Scalapino, “Introduction,” in Robert A. Scalapino, ed., *Elites in the People’s Republic of China* (Seattle: University of Washington Press, 1972), tr. vi.

⁸ Avery Goldstein, “Trends in the Study of Political Elites and Institutions in the PRC,” *China Quarterly*, Số 139 (Tháng 9-1994), tr. 714.

quan điểm và tương tác giữa các nhân vật then chốt này trong việc xây dựng chính sách của Trung Quốc đối với Hoa Kỳ từ năm 1969 tới 1972.

Nhóm nghiên cứu của bốn nguyên soái

Từ năm 1965, Trung Quốc và Liên Xô đã liên tục mở rộng lực lượng quân sự của mình dọc theo đường biên giới chung. Căng thẳng giữa hai nước gia tăng trong giai đoạn Cách mạng Văn hóa; đến năm 1968-69, mỗi bên đã bố trí vài trăm ngàn quân dọc biên giới. Đầu năm 1968, mâu thuẫn Trung-Xô bùng nổ quanh cù lao Qilixin, ở phía Trung Quốc của dòng chính sông Ussuri, mở màn cho những xung đột vũ trang diện rộng trong năm sau đó.⁹ Việc Liên Xô đưa quân vào Tiệp Khắc vào tháng 8-1968 đã làm gia tăng quan ngại của lãnh đạo Trung Quốc về các ý đồ của Liên Xô.

Khi những xung đột vũ trang căng thẳng giữa các lực lượng biên phòng Trung Quốc và Liên Xô bùng nổ vào tháng 3-1969 trên cù lao Trân Bảo (Liên Xô gọi là Damansky) gần bờ sông Ussuri, tình hình an ninh của Trung Quốc xấu đi thấy rõ. Chẳng mấy chốc, xung đột biên giới lan ra các khu vực khác khi căng thẳng gia tăng dọc theo chiều dài biên giới. Những vụ việc đó đẩy Trung Quốc và Liên Xô tới bờ vực đối đầu quân sự nghiêm trọng. Kissinger nói rằng các nhà lãnh đạo Xô Viết thậm chí còn cân nhắc việc tiến hành một cuộc tấn công hạt nhân phủ đầu nhằm vào nước cộng đồng minh Cộng sản của mình.¹⁰ Bởi vậy không có gì đáng ngạc nhiên khi Mao và đồng nghiệp của mình cảm thấy buộc phải đáp trả Liên Xô bằng cách bắt tay vào việc thay đổi chiến lược an ninh và đối ngoại của Trung Quốc.

Sau Đại hội ĐCSTQ lần thứ 9 vào tháng 4-1969, giai đoạn căn bản nhất của Cách mạng Văn hóa chấm dứt. Các đại sứ Trung Quốc, những người bị triệu hồi ở thời kỳ đầu Cách mạng Văn hóa, lần lượt quay trở lại vị trí, và ngoại giao Trung Quốc dần trở lại bình thường.¹¹ Việc ổn định chính trị Trung Quốc có lợi cho việc cải

⁹ Yang Kuisong, "Cong Zhenbaodao Zhizhan dao Huanhe Zhong Mei Guanxi" [From the Battle at the Zhenbao Island to Sino-American Rapprochement], *Dangshi yanjiu ziliao* [Materials on Party History Research], Số 12 (1997), tr. 7-8; và Xu Yan, "1969 Nian Zhong Su bianjie chongtu" [The Sino-Soviet Border Conflict of 1969], *Dangshi yanjiu ziliao*, Số 5 (1994), tr. 6-10.

¹⁰ Kissinger viết trong hồi ký là vào tháng 8-1969, một nhà ngoại giao Liên Xô ở Washington đã hỏi là "Hoa Kỳ sẽ phản ứng thế nào với một cuộc tấn công của Liên Xô vào các cơ sở hạt nhân của Trung Quốc". Xem Kissinger, *White House Years*, tr. 183; và thảo luận trong Yang, "Cong Zhenbaodao Zhizhan dao Huanhe Zhong Mei Guanxi," tr. 12. Cuối năm đó, báo chí phương Tây cũng viết về những lời đồn đại về các kế hoạch của Liên Xô nhằm tấn công các cơ sở hạt nhân của Trung Quốc. Liệu những điều này có phản ánh kế hoạch thật sự hay chỉ là một phần của chiến dịch xuyên tạc thông tin nhằm gây áp lực tâm lý lên lãnh đạo Trung Quốc vẫn là điều chưa rõ ràng.

¹¹ Tất cả các đại sứ Trung Quốc trừ Hoàng Hoa ở Ai Cập đã bị triệu tập về nước để tham gia Cách mạng Văn hóa.

thiện quan hệ Trung-Mỹ. Thậm chí trước Đại hội Đảng lần thứ 9, Chu Ân Lai vẫn đưa cho Mao những bài báo về những diễn biến nổi bật trong tình hình quốc tế, các bài xã luận quan trọng và những phản ứng Trung Quốc có thể có. Đây là thủ thuật thường được Chu sử dụng khi có những chính sách quan trọng cần xem xét, vì nó đã giúp ông kín đáo gây ảnh hưởng lên việc hoạch định chính sách của Mao.¹²

Vào giữa tháng 5, Chu Ân Lai theo chỉ thị của Mao đã yêu cầu bốn vị nguyên soái lão làng gồm Trần Nghị, Diệp Kiếm Anh, Từ Hưởng Tiên và Nhiếp Vinh Trăn “chú ý tới” tình hình quốc tế. Ông hỏi thúc họ gặp gỡ “hai đến ba lần hàng tháng” để thảo luận “các vấn đề quan trọng” về an ninh quốc tế và để nêu đề xuất của họ lên Ủy ban Trung ương ĐCSTQ.¹³ Chu nói các vị nguyên soái không cần phải “bị giới hạn bởi bất cứ khuôn khổ tham chiếu có sẵn nào.” Họ phải giúp Mao “hiểu được những diễn biến chiến lược mới” trên thế giới. Chu nhấn mạnh là Mao đã giao cho họ nhiệm vụ ấy vì họ là những nguyên soái dày dạn kinh nghiệm quân sự và có tầm nhìn chiến lược rõ ràng. Có thể cho là họ sẽ hiểu hơn về vị trí của Trung Quốc trong bối cảnh thế giới đang thay đổi. Chỉ có Mao, Chu, bốn vị nguyên soái cùng hai trợ tá của họ là Xiong Xianghui – một nhân viên ngoại giao và tình báo cấp cao, cùng Yao Guang – Vụ trưởng Vụ Châu Âu và châu Mỹ Bộ Ngoại giao – là biết về nhóm nghiên cứu này.¹⁴

Một cuộc đụng độ biên giới khác, lớn hơn nhiều so với hai vụ ở cù lao Trân Bảo hồi tháng Ba, đã nổ ra giữa các đơn vị đồn trú của Trung Quốc và Liên Xô ở Tân Cương ngày 13-8.¹⁵ Lãnh đạo Trung Quốc cảnh báo là Matxcơva đang chuẩn bị phát động một cuộc chiến tranh lớn. Những tuần tiếp theo, tình hình xấu đi nhanh chóng. Ngày 27-8, Ủy ban Trung ương ĐCSTQ và Quân ủy trung ương đã ra chỉ thị khẩn cấp để thành lập “Nhóm Chỉ đạo Quốc gia về Phòng không Nhân dân” do Chu Ân Lai cầm đầu, giao nhiệm vụ cho nhóm này phải ngay lập tức sơ tán trên diện

¹² GaoWenqian, *Wannian Zhou Enlai* [Zhou Enlai's Later Years] (Hong Kong: Mirror Books, 2003), tr. 407.

¹³ Xiong Xianghui, *Wo de qingbao yu waijiao shengya* [My Career in Intelligence and Diplomacy] (Beijing: Zhongyang Dangxiao Chubanshe, 1999), tr. 166. Vì Xiong là trợ lý cho Nhóm nghiên cứu của bốn nguyên soái nên lời thuật của ông ta đáng tin cậy hơn so với các nguồn Trung Quốc khác. Cuộc họp đầu tiên của các vị tướng diễn ra ngày 7-6-1969. Theo học giả Trung Quốc Wang Yongqin, Mao vào ngày 19-2 đã lần đầu chỉ thị cho bốn vị tướng nghiên cứu tình hình quốc tế. Sau đó vào các ngày 22-3 và 19-4, ông ta lại yêu cầu họ tìm hiểu bối cảnh quốc tế. Xem Wang Yongqin, “1966–1976 Nian Zhong Mei Su guanxi jishi, lianzai 1” [Chronicle of Sino-American-Soviet Relations, 1966–1976, Part I], *Dangdai Zhongguoshi yanjiu* [Contemporary China History Studies], Số 4 (1997), tr. 118–119, 121.

¹⁴ Xiong, *Wo de qingbao yu waijiao shengya*, tr. 166–167.

¹⁵ Xu, “1969 Nian Zhong Su bianjie chongtu,” tr. 10; và Yang, “Cong Zhenbaodao Zhizhan dao Huanhe Zhong Mei Guanxi,” tr. 11–19.

rộng dân chúng và các cơ sở công nghiệp chính ra khỏi các thành phố lớn.¹⁶ Ngày 28-8, Ủy ban Trung ương ĐCS ra lệnh huy động quân sự ở các tỉnh, vùng giáp biên giới Liên Xô và Mông Cổ.¹⁷

Mặc dù Nhóm Nghiên cứu của bốn nguyên soái tin rằng Liên Xô có khả năng sẽ không tiến hành chiến tranh tổng lực với Trung Quốc nhưng họ nhấn mạnh việc Bắc Kinh phải sẵn sàng cho kịch bản trong trường hợp tệ nhất. Trần Nghị và Diệp Kiếm Anh cho rằng để Trung Quốc sẵn sàng đối đầu với Liên Xô, phải dùng đến “con bài Hoa Kỳ”. Trong một văn bản báo cáo - “Quan điểm của chúng ta về tình hình hiện nay” được hoàn thành ngày 17-9, họ chỉ ra rằng mặc dù Matxcơva đang định “tiến hành chiến tranh chống Trung Quốc” và đã thật sự triển khai lực lượng để làm điều đó nhưng BCT Liên Xô đã không thể “đạt được quyết định cuối cùng” vì những cân nhắc về mặt chính trị. Các nguyên soái đề xuất là để tiến hành “một cuộc đấu tranh ăn miếng trả miếng với cả Liên Xô và Hoa Kỳ”, Trung Quốc nên sử dụng “thương lượng làm phương thức đấu tranh với họ”. Có lẽ các cuộc thương lượng cấp đại sứ Trung-Mỹ cần được nối lại “vào thời điểm phù hợp”.¹⁸

Báo cáo của Nhóm Nghiên cứu của bốn nguyên soái đã giúp lãnh đạo Trung Quốc có đánh giá chiến lược trong đó nhấn mạnh lợi ích từ việc cải thiện quan hệ Trung-Mỹ. Như các diễn biến sau đó cho thấy, các báo cáo của bốn nguyên soái cho Mao và Chu là chất xúc tác cho các quyết định quan trọng liên quan đến Hoa Kỳ, dọn đường cho sự xích lại gần nhau của Trung-Mỹ. Trong thời đỉnh cao của Cách mạng Văn hóa, không ai thách thức được quyền lực của Mao nhưng ông đã phải cân nhắc những sự đối kháng tiềm tàng từ “những người cực tả” mà nhiều người trong số đó hẳn đã không hiểu nổi thay đổi đột ngột trong chính sách với Hoa Kỳ.¹⁹ Tuy vậy, không có bằng chứng nào cho thấy Lâm Bưu – cánh tay thứ hai của Mao – được thông báo hay biết về nhiệm vụ của các nguyên soái. Trong hồi ký hay tiểu sử của mình, bản thân các nguyên soái này cũng không hề có ý gì cho thấy họ đã từng tham vấn Lâm Bưu bằng bất cứ hình thức gì trong các vấn đề liên quan tới quan hệ Trung-Mỹ.²⁰

¹⁶ Ủy ban Trung ương ĐCS và Nhóm hành chính của Quân ủy trung ương, “Báo cáo về các biện pháp cần thực hiện để tăng cường phòng không”, 27-8-1969, Cục Lưu trữ Trung ương Trung Quốc: trích dẫn trong Yang Kuisong, “The Sino-Soviet Border Clash of 1969: From Zhenbao Island to Sino-American Rapprochement,” *Cold War History*, Quyển 1, Số 1 (tháng 8-2000), tr. 36–37.

¹⁷ Xem “The CCP Central Committee’s Order for General Mobilization in Border Provinces and Regions,” 28-8-1969, *Cold War International History Project Bulletin*, Số 11 (Mùa đông 1998), tr. 168–169.

¹⁸ Xiong, *Wo de qingbao yu wajiao shengya*, tr. 184–186.

¹⁹ Gao, *Wannian Zhou Enlai*, tr. 408.

²⁰ Xu Xiangqian, *Lishi de huigu* [Reflections on History], 3 quyển (Beijing: Jiefangjun Chubanshe, 1987), 3: tr. 848; and “Dangdai Zhongguo Renwu Zhuanji” Congshu Bianjibu [Editorial Board of

Nỗi sợ hãi chiến tranh khiến lãnh đạo Trung Quốc có đủ động lực cả về chiến lược lẫn tâm lý để cân nhắc lại sự đối đầu kéo dài đã lâu với Hoa Kỳ. Cảm nhận về sự đe dọa vô cùng nghiêm trọng từ Liên Xô khiến Mao Trạch Đông phá vỡ khuôn khổ khái niệm sẵn có của chính sách Trung Quốc.²¹ Cái khó là làm thế nào để thiết lập được một kênh liên lạc.

Nổi lại Kênh Vácava

Vào tháng 9-1969, lãnh đạo Liên Xô định tổ chức một cuộc gặp thượng đỉnh với những người đồng nhiệm Trung Quốc nhằm nới lỏng căng thẳng từ hồi tháng Ba. Sau một vài rắc rối, Thủ tướng Liên Xô Aleksei Kosygin đã có thể gặp gỡ người đồng nhiệm Trung Quốc Chu Ân Lai tại sân bay Bắc Kinh vào ngày 11-9.²² Mao có vài lý do dẫn đến việc đồng ý nói chuyện. Ông ta quan tâm tới việc giảm căng thẳng với Liên Xô sau hai vụ đụng độ biên giới nhiều thiệt hại và đang tìm cách tránh một cuộc chiến tranh trên hai mặt trận (với cả Liên Xô và Hoa Kỳ). Ông ta cũng muốn giảm khả năng xảy ra bất cứ sự câu kết Xô-Mỹ nào. Chu tìm cách dùng dịp này để kích thích Mỹ quan tâm tới khả năng có thể nổi lại quan hệ Trung-Mỹ. Để đạt được mục đích, Chu đã rất nỗ lực nhằm tránh “thân thiết” và “hữu nghị” với Kosygin để không gửi sai thông điệp tới Washington. Những thương lượng biên giới Trung-Mỹ ở cấp thứ trưởng ngoại giao diễn ra sau đó đã khiến Hoa Kỳ có thêm động lực để cải thiện với nước CHNDTH.²³

Biographical Series of Contemporary Chinese Figures], *Chen Yi zhuan* [Biography of Chen Yi] (Beijing: Dangdai Zhongguo Chubanshe, 1991), tr. 614–615

²¹ Sử gia Chen Jian lập luận rằng việc giải thích chỉ tập trung vào địa chính trị không cho thấy đầy đủ các lý do phức tạp cho quyết định cải thiện quan hệ với Hoa Kỳ của Mao. Để có thể hiểu rõ sự việc hơn, ông đặt việc Trung-Mỹ xích lại gần nhau trong bối cảnh địa vị đang suy yếu của cuộc cách mạng đang diễn ra lúc ấy của Mao. Chen chỉ ra rằng việc Trung-Mỹ xích lại gần nhau diễn ra tại thời điểm Cách mạng Văn hóa cùng những bộ phận chung của cuộc cách mạng đang diễn tiến của Mao đã đang yếu đi. Xem Chen Jian, *Mao's China and the Cold War* (Chapel Hill: The University of North Carolina Press, 2001), tr. 239. Quan điểm của tôi là rất nhiều yếu tố, trong đó có các cuộc thương lượng cấp đại sứ kéo dài một thập niên giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ, mục tiêu hạt nhân của Trung Quốc, sự sa lầy ở Việt Nam, cùng tính cách của Nixon đã tạo ra việc hai nước xích lại gần nhau.

²² Các nhà báo phương Tây nghi ngờ là Kosygin đã định gặp Chu Ân Lai tại đám tang của Hồ Chí Minh vào đầu tháng 9-1969. Chu dẫn đầu đoàn đại biểu Trung Quốc dự đám tang, đến ngày 4-9 và về trong ngày. Các phát ngôn viên của Trung Quốc phủ nhận là Chu đã cố tình tránh một cuộc họp với Kosygin mặc dù rõ ràng có việc làm bề mặt nhau ở đây. Sau khi tới Hà Nội ngày 6-9, Kosygin với sự giúp đỡ của đại sứ quán Trung Quốc đã đề xuất gặp Chu Ân Lai ở Bắc Kinh trên chặng đường trở lại Matxcơva. Tuy nhiên, mãi đến 11-9 Kosygin mới nhận được phản hồi, khi đó ông đã đang ở Dushanbe, thủ đô của Tajikistan. Xem Jin Chongji, ed., *Zhou Enlai zhuan, 1949–1976* [A Biography of Zhou Enlai, 1949–1976], 2 vols. (Beijing: Zhongyang Wenxian Chubanshe, 1998), pp. 1083–1084; and Wang Taiping, ed., *Zhonghua renmin gongheguo wajiaoshi, 1957–1969* [A Diplomatic History of the People's Republic of China, 1957–1969] (Beijing: Shijie Zhishi Chubanshe, 1998), tr. 274–276.

²³ Gao, *Wannian Zhou Enlai*, tr. 411. Các cuộc đàm phán biên giới Trung-Xô, bắt đầu ngày 20-10-1969, đã tiếp tục - với vài lần bị gián đoạn - cho tới cuối những năm 1980. Lãnh đạo Trung Quốc cố

Chiến lược của Trung Quốc có vẻ như đã phát huy hiệu quả. Các quan chức Mỹ bắt đầu tính lại chính sách của họ với Trung Quốc. Cuối những năm 1960 và đầu những năm 1970, chính quyền Nixon đã vài lần gắng thiết lập các cuộc hội đàm trực tiếp với Trung Quốc. Trong suốt mùa hè, các quan chức cấp cao của Hoa Kỳ đã bí mật liên hệ với quan chức Trung Quốc thông qua phía Pakistan và Rumani.²⁴ Để thực hiện qua các kênh gián tiếp này, Nixon và Kissinger quyết định mở lại các cuộc thảo luận cấp đại sứ bị đình trệ từ lâu giữa Mỹ và Trung Quốc.²⁵ Tháng 9-1969, họ yêu cầu Walter Stoessel – đại sứ Mỹ tại Ba Lan – liên hệ với đại sứ Trung Quốc để dàn xếp một cuộc gặp mới. Trước sự bực bội của Kissinger, phải mất gần ba tháng thì Stoessel mới có thể tiếp cận được các nhà ngoại giao Trung Quốc ở Vácava. Trong khi Kissinger tìm hiểu những phương án khả thi để thu xếp một cuộc gặp sớm thì tình báo Mỹ nắm được chuyện Chu Ân Lai ra chỉ thị bí mật cho các đại sứ quán Trung Quốc vào tháng 11 với nội dung kêu gọi phải linh hoạt hơn về ngoại giao nhằm bảo vệ Trung Quốc trước Liên Xô. Chu tuyên bố là “các chiến thuật linh hoạt” của CHNDTH bao gồm cả việc nổi lại thảo luận với Washington là nhằm hất Matxcova khỏi thế cân bằng và khoét sâu vào căng thẳng Mỹ-Xô. Trong lúc ấy, để phục vụ các nhu cầu chính trị trong nước, Chu nói rằng Bắc Kinh sẽ không từ bỏ “các nguyên tắc cách mạng” – đây cũng là lần đầu lãnh đạo Trung Quốc đưa ra lời hứa này và lặp lại rất nhiều lần trong vài năm sau đó.²⁶

Stoessel đã hành động một cách bất thường vào ngày 3-12 khi ông nhìn thấy các nhà ngoại giao Trung Quốc tại một buổi trình diễn thời trang của Nam Tư ở Cung Văn hóa Vácava và sau đó đi theo họ ra ngoài tòa nhà. Đột nhiên, các nhà ngoại giao Trung Quốc nhanh chóng rời đi. Stoessel chạy theo họ và đuổi kịp phiên

gặp tạo ấn tượng là nếu Hoa Kỳ vẫn tỏ ra không hứa hẹn trong thương lượng với CHNDTH thì có thể sẽ xảy ra đột phá trong quan hệ Trung-Xô. Xem Alexei Elizavetin, “Kosygin-Zhou Talks at Beijing Airport,” *Far Eastern Affairs*, Các số 1–3 (1993), tr. 52–54.

²⁴ Trong chuyến đi vòng quanh thế giới tháng 8-1969, Nixon đã thông báo cho các lãnh đạo Rumani và Pakistan là ông ta quan tâm tới việc cải thiện quan hệ với CHNDTH. Cuối hè, đầu thu năm đó, Tổng thống Pakistan Yahya Khan đề nghị đóng vai trò tích cực trong cuộc tìm kiếm ấy. Kênh Pakistan đã giúp Nixon và Kissinger có được cách giao tiếp bí mật mà không cần qua Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. Vào tháng 12, đại sứ Pakistan tại Hoa Kỳ Agha Hilaly đã gửi bức điện trực tiếp đầu tiên từ phía CHNDTH. Hilaly báo cáo rằng lãnh đạo Trung Quốc đã thả hai người Mỹ bị giam giữ và sẵn sàng nổi lại các cuộc đàm phán Vácava mà không có điều kiện tiên quyết nào. Kissinger trả lời là Hoa Kỳ quan tâm tới việc cải thiện quan hệ. Xem Steven Phillips, “Nixon’s China Initiative, 1969–1972,” trong Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, *Documenting Diplomacy in the 21st Century* (Washington D.C.: U.S. Government Printing Office, 2001), tr. 135.

²⁵ Trung Quốc và Hoa Kỳ ban đầu đã đồng ý tổ chức phiên đàm phán cấp đại sứ lần thứ 135 vào ngày 20-3-1969.

²⁶ Cơ quan tình báo Trung ương Hoa Kỳ, Biên bản tình báo, “Signs of Life in Chinese Foreign Policy,” 11-4-1970, bản sao tại Cục Lưu trữ An ninh quốc gia: được trích dẫn trong William Burr, “Sino-American Relations, 1969: Sino-Soviet Border Conflict and Steps toward Rapprochement,” *Cold War History*, Quyển 1, Số 3 (Tháng 4-2001), tr. 97.

dịch viên người Trung Quốc, nói với anh ta bằng “tiếng Ba Lan bồi” rằng ông có một tin nhắn quan trọng cho đại sứ quán Trung Quốc.²⁷

Đại sứ quán Trung Quốc gửi báo cáo về Bắc Kinh về “hành vi bất thường” của đại sứ Mỹ, và báo cáo được chuyển tới Chu Ân Lai. Đến thời điểm ấy, Mao và Chu coi việc tiếp cận Nixon chỉ mang tính thăm dò. Nhưng khi biết sự việc trên, các nhà lãnh đạo Trung Quốc dường như tin rằng người Mỹ nghiêm túc, và họ phản ứng một cách mau lẹ. Chu nói với Mao rằng “cơ hội đang đến; chúng ta đang có gạch trong tay để đi gõ cửa rồi”.²⁸ Theo hướng dẫn của Mao, Chu hành động ngay lập tức để Washington biết ý định của Bắc Kinh trong việc mở lại liên lạc với Washington. Ngày 4-12, được Mao phê duyệt, Chu đã ra một nghĩa cử thiện chí bằng cách ra lệnh thả hai người Mỹ vốn bị giam giữ ở Trung Quốc từ giữa tháng 2-1969 khi du thuyền của họ dạt vào lãnh hải của họ ở ngoài khơi Quảng Đông.²⁹

Sự chạm trán của Stoessel với các nhà ngoại giao Trung Quốc ở buổi trình diễn thời trang Nam Tư là bước ngoặt trong quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc. Nó khiến Mao và Chu tin rằng Hoa Kỳ thật sự quan tâm tới việc cải thiện quan hệ với CHNDTH, và nó xảy ra đúng lúc lãnh đạo Trung Quốc lo xảy ra chiến tranh với Liên Xô. Họ đang tìm cơ hội cải thiện quan hệ với Hoa Kỳ để cân bằng lại Liên Xô. Hơn nữa, bối cảnh của vụ Stossel lại có ích cho Mao và Chu: họ có thể kể lại với các đồng nghiệp Trung Quốc theo kiểu “người Mỹ mới đang cần chúng ta chứ không

²⁷ Xue Mouhong, ed., *Dangdai Zhongguo wajiao* [Contemporary Chinese Diplomacy] (Beijing: Zhongguo Shehui Kexue Chubanshe, 1990), tr. 219. Xem thêm Stoessel to Secretary of State, 3-12-1969, tr. 23–28, POL-US, Subject-Numeric Files, 1967–1969, Record Group (RG) 59, NARA. Trong bức điện tín, Stoessel nói nhằm là nhà ngoại giao mà ông ta cố tiếp cận là Lôi Dương, đại biện lâm thời của Trung Quốc tại Ba Lan. Thật ra đó là Li Juqing, bí thư thứ hai của đại sứ quán Trung Quốc và người phiên dịch là Jing Zhicheng. Xem Luo Yisu, “Zai Bolan de sui yue” [My Years in Poland], trong Wang Taiping, ed., *Dangdai Zhongguo shijie wajiao shengya* [Diplomatic Careers of Contemporary Chinese Envoys] (Beijing: Shijie Zhishi Chubanshe, 1996), tr. 179–180; và Zong Daoyi, “Xin Zhongguo wajiaoshi ruogan shishi kaoding” [Textual Research into Some Facts of Chinese Diplomatic History], *Dangdai Zhongguoshi yanjiu*, No. 6, (1997), tr. 103–109. Kissinger không hài lòng với việc Stoessel chậm thiết lập đầu mối liên lạc và đã gửi ba bức điện cảnh cáo ông ta rằng “hoặc là anh làm việc đó đi hoặc là chúng tôi sẽ lấy ai đó làm được việc”. Stoessel nói rằng ông đã không thể tiếp cận riêng các quan chức Trung Quốc tại bất cứ bữa tiệc hay buổi tiếp tân ngoại giao nào vào mùa thu và đông năm đó. Xem Seymour M. Hersh, *The Price of Power: Kissinger in the White House* (New York: Summit Books, 1983), tr. 359. Không rõ lý do tại sao Hoa Kỳ không liên lạc với Bắc Kinh thông qua kênh sẵn có giữa các bí thư thứ hai của Hoa Kỳ và Trung Quốc tại Vacsava. Một khả năng là liên lạc ở cấp-bí-thư-thứ-hai chỉ dành cho các sự vụ hàng ngày, và phía Trung Quốc không coi trọng kênh đó.

²⁸ Jin, ed., *Zhou Enlai zhuan*, Tập 2, tr. 1087.

²⁹ Zhongyang wenxian yanjiushi [Division of CCP Central Archives and Manuscripts], *Zhou Enlai nianpu: 1949–1976* [Chronicle of Zhou Enlai], Tập 3 (Beijing: Zhongyang Wenxian và Renmin Chubanshe, 1997), tr. 336; Jin, ed., *Zhou Enlai zhuan*, Tập 2, tr. 1088; và Kissinger, *White House Years*, tr. 188.

phải chúng ta cần họ". Hai nhà lãnh đạo này đã kể đi kể lại chuyện ấy và nhắc đi nhắc lại chủ đề đó.³⁰

Trên thực tế, việc CHNDTH tìm cách nối lại các cuộc thảo luận cấp đại sứ đã diễn ra được một thời gian. Khi nhóm các đại sứ Trung Quốc đầu tiên quay trở lại vị trí của mình sau Đại hội Đảng lần thứ 9, Lô Dương được bổ nhiệm là đại biện ở Ba Lan vào tháng 6-1969. Mặc dù Lô Dương không có hàm đại sứ nhưng ông là nhà ngoại giao cấp cao, từng làm vụ trưởng Vụ Đào tạo của Bộ Ngoại giao trong nhiều năm. Trước khi Lô đi Ba Lan, Chu Ân Lai thúc ông nghiên cứu hồ sơ các cuộc tiếp xúc đại sứ giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ, và để ý đến các dấu hiệu thay đổi trong chính sách để có thể báo cáo bất cứ điều gì quan trọng về nước. Chu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì "kênh Vácava". Theo hướng dẫn, Lô xem xét lại các hồ sơ thảo luận cấp đại sứ Xô-Mỹ và các tài liệu văn bản khác về quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc một cách cẩn thận trước khi lên đường đi Vácava.³¹

Ngày 20-1-1970, Trung Quốc và Hoa Kỳ đồng ý nối lại các cuộc họp cấp đại sứ theo cách tổ chức luân phiên tại đại sứ quán của từng nước.³² Để chuẩn bị cho buổi họp, Bộ Ngoại giao đã thảo ra các hướng dẫn và bài phát biểu khai mạc cho Lô Dương, và nộp bản thảo cho Chu Ân Lai sửa. Chu đã bổ sung các hướng dẫn sau:

Sau bài phát biểu của anh, nếu Hoa Kỳ nhắc lại là Hoa Kỳ và Đài Loan có quan hệ dựa trên một hiệp ước, anh phải trả lời bằng những ngôn từ như "Hiệp ước Hoa Kỳ-Cộng hòa Trung Hoa không được người dân Trung Quốc công nhận"; nếu phía Hoa Kỳ hỏi những cuộc họp cấp cao hơn hay những kênh khác nghĩa

³⁰ Phòng văn với các sử gia của ĐCSTQ, những người yêu cầu được giữ kín danh tính, tại Bắc Kinh, tháng 1-2002.

³¹ Qian Jiang, "Huifu ZhongMei Huasha Huitan de Qibu" [The Beginning of the Renewal of Sino-American Warsaw Talks], *Bainianchao* [Hundred-Year Tide], Số 3 (2000), tr. 20–21.

³² Luo, "Zai Bolan de suiyue," tr. 181; Stoessel to the Secretary of State, 8-1-1970, POL Chicom, Subject-Numeric Files, 1970–1973, RG 59, NARA. Có hai điểm cần lưu ý ở đây. Thứ nhất, trong quá khứ, các cuộc đàm phán cấp đại sứ Trung-Mỹ ở Vácava được tổ chức tại một địa điểm do chính phủ Ba Lan thu xếp. Lần này, ngược lại, phía Mỹ tìm cách giữ bí mật bằng cách chuyển địa điểm sang đại sứ quán của hai nước – đề xuất này được phía Trung Quốc chấp nhận ngay. Các cuộc họp không chính thức được tổ chức lần lượt tại đại sứ quán mỗi bên ở Vácava vào ngày 11-12-1969 và 8-1-1970. Stoessel được mời tới dùng trà ở đại sứ quán Trung Quốc ngày 11-12 và được hướng dẫn đến cổng tước để gửi tín hiệu cho Matxcova. Thứ hai, bởi vì khi đó Trung Quốc không có đại sứ ở Ba Lan nên hai vòng thương lượng cuối cùng được tổ chức giữa đại biện lâm thời Trung Quốc là Lô Dương và đại sứ Hoa Kỳ Stoessel. Đại sứ Trung Quốc tại Ba Lan, Wang Guoquan, trước đó đã bị triệu hội về Trung Quốc vào tháng 7-1969 để tham gia Cách mạng văn hóa. Phiên họp thứ 134 của đàm phán cấp đại sứ đã diễn ra ở Vácava ngày 8-1-1968 giữa đại biện lâm thời Trung Quốc Chen Dong và đại sứ Hoa Kỳ John Gronouski như "một biện pháp tạm thời". Về các cuộc thương lượng cấp đại sứ Trung-Mỹ những năm 1960, xem Yafeng Xia, "Negotiating at Cross-Purposes: Sino-American Ambassadorial Talks, 1961–1968," *Diplomacy and Statecraft*, Tập 16, Số 2 (Tháng 6-2005), tr. 297–329.

là gì, anh phải trả lời là nếu chính phủ Hoa Kỳ quan tâm, họ nên đề xuất hoặc đề ra một giải pháp được hai bên nhất trí tại các cuộc trao đổi cấp đại sứ.³³

Các lãnh đạo Trung Quốc tin rằng bởi vì "Nixon khi đó tỏ ra có chút mềm mỏng hơn so với Brezhnev...nên chính sách can dự là cần thiết".³⁴

Trong lúc ấy, Chu phải dành khá nhiều thời gian và sức lực để khắc phục trở ngại do những người cực tả ở trong nước gây ra. Vì Trung Quốc vẫn ở giữa cuộc Cách mạng Văn hóa nên việc nói đến chuyện cải thiện quan hệ với Hoa Kỳ - đế quốc số một - là điều không thể hiểu nổi. Đến cả Ngoại trưởng của CHNDTH thuộc sự giám sát trực tiếp của Chu cũng không miễn nhiễm với ảnh hưởng cánh tả. Ngoài ra, vào năm 1960, chính phủ Trung Quốc đã tuyên bố là sẽ không có tiến triển gì trong quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc nếu chưa giải quyết được vấn đề Đài Loan. Việc các nhân viên ở Bộ Ngoại giao phản ứng chậm với bất cứ thay đổi nào là điều có thể hiểu được. Chu lo lắng và thuật lại vấn đề với Mao, người ủng hộ ông [giải quyết vấn đề - ND]. Sau đó, Chu chuyển chỉ thị của Mao cho các cấp dưới, đảm bảo với họ là việc cải thiện quan hệ với Hoa Kỳ là chấp nhận được về mặt ý thức hệ.³⁵ Không có bằng chứng nào từ các nguồn của Trung Quốc cho thấy Lâm Bưu hay các quan chức cấp cao nào phản đối việc nối lại các cuộc đối thoại Vácava.

Ngoại giao bóng bàn

Phiên họp thứ 136 cấp đại sứ giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ (và rốt cục đây lại là phiên cuối) diễn ra ngày 20-2-1970. Cuối tháng Tư, khi Nixon đưa quân vào Nam Việt Nam để tiến hành một chiến dịch xuyên biên giới quy mô lớn nhằm phá hủy các căn cứ của Việt Cộng ở Campuchia thì phía Trung Quốc dừng các cuộc đối thoại ở Vácava.³⁶ Sự sụp đổ của kênh Vácava làm dịch chuyển địa điểm giao tiếp với phía Trung Quốc sang Nhà Trắng, nơi bí mật liên hệ với Trung Quốc thông qua người Pakistan từ mùa hè năm trước.

Đến mùa thu 1970, lãnh đạo Trung Quốc nâng cấp thảo luận với Washington khi các lực lượng Hoa Kỳ rút khỏi Campuchia và căng thẳng dịu bớt.³⁷ Cả ở hậu trường và trước công luận, Mao và Nixon đều cho thấy cá nhân họ khuyến khích sự

³³ Zhongyang wenxian yanjiushi, *Zhou Enlai nianpu*, tr. 344.

³⁴ "Zhou Enlai's Talk with Khwaja Mohammad Kaiser, Pakistan's Ambassador to China, 22 January 1970," được trích dẫn trong Robert Ross và Jiang Changbin, eds., *Re-examining the Cold War: U.S.-China Diplomacy, 1954-1973* (Cambridge, MA: Harvard University Asia Center, 2001), tr. 337.

³⁵ Gao, *Wannian Zhou Enlai*, tr. 415.

³⁶ Kissinger, *White House Years*, tr. 692

³⁷ Hoa Kỳ rút khỏi Campuchia ngày 30-6-1970. Xem cùng sách, tr. 516

cải thiện trong quan hệ Trung-Mỹ. Ngày 1-10, nhà báo cánh tả người Mỹ Edgar Snow cùng vợ được mời tới dự lễ duyệt binh ngày Quốc khánh hàng năm từ khán đài của Tử Cấm Thành nhìn ra quảng trường Thiên An Môn. Họ được Chu Ân Lai đưa đến gặp Mao và đứng bên cạnh ghế chủ tịch trong suốt buổi lễ, những người Mỹ đầu tiên được có vinh dự đó. Một bức ảnh chụp Snow và Mao cùng nhau xuất hiện ở trang nhất các báo lớn của Trung Quốc vào ngày 25-12.³⁸ Một nhà sử học Trung Quốc quan sát: “Mao đang gửi đi một thông điệp không chỉ dành cho người Mỹ mà cho tất cả mọi người ở khắp Trung Quốc.” Mao đang cố dùng màn công khai này làm bước đi đầu tiên để chuẩn bị tâm lý cho người Trung Quốc nhằm đón nhận những thay đổi lớn lao trong quan hệ Trung-Mỹ.³⁹

Trong một bài phỏng vấn dài lê thê với Snow ngày 18-12, Mao nói ông ta đang cân nhắc việc cho phép người Mỹ thuộc mọi trường phái chính trị - tả, hữu, trung dung – tới Trung Quốc.⁴⁰ Ông nhấn mạnh là ông ta muốn chào đón Nixon đến Bắc Kinh bởi vì Tổng thống Mỹ là người mà ông ta có thể “thảo luận và giải quyết vấn đề giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ.” Mao nói rõ rằng ông ta “sẽ vui lòng được gặp Nixon, dù là trên cương vị tổng thống hay một vị khách du lịch”.⁴¹

Chính quyền Nixon cũng ra tín hiệu chứng tỏ sự quan tâm tới một mối quan hệ mới. Trong một bài phỏng vấn với tạp chí *Time* vào tháng 10-1970, Nixon tuyên bố rằng ông coi Trung Quốc là một cường quốc trên thế giới. Ông nói,

Có thể vai trò đó sẽ không xảy ra trong 5 năm tới, thậm chí không phải trong 10 năm tới. Nhưng trong 20 năm nữa thì nên là như vậy, nếu không thì thế giới

³⁸ Một nguồn Trung Quốc cho rằng Chu Ân Lai đã thấy trước tất cả điều này, thậm chí còn xác định được kích cỡ bức ảnh xuất bản trên Nhân dân Nhật Báo, tờ báo đóng vai trò là mô hình cho mọi tờ báo lớn của Trung Quốc đi theo. Xem Yang Mingwei và Chen Yangyong, *Zhou Enlai wajijiao fengyun* [Diplomatic Winds and Clouds of Zhou Enlai] (Beijing: JiefangjunWenyi Chubanshe, 1995), tr. 243. Các sử gia khác không đồng ý cách miêu tả này. Zong Daoyi cho rằng không có bằng chứng nào cho thấy đích thân Chu đã nói rõ kích cỡ bức ảnh. Xem Zong, “Xin Zhongguo wajijiaoshi ruogan shishi kaoding,” tr. 103–114. Không may, Nixon và Kissinger bỏ qua tầm quan trọng của cử chỉ này của phía Trung Quốc. Xem Henry Kissinger, *White House Years*, tr. 698; Pang Xianzhi và Jin Chongji, eds., *Mao Zedong zhuan, 1949–1976* [A Biography of Mao Zedong, 1949–1976], Tập 2 (Beijing: Zhongyang Wenxian Chubanshe, 2003), tr. 1628. Snow là bạn và người hâm mộ Mao và ĐCS từ giữa những năm 1930, khi ông thăm các khu vực căn cứ Cộng sản ở tỉnh Sơn Tây ở phía bắc và phỏng vấn Mao cùng nhiều lãnh đạo khác của ĐCS. Cuốn sách được ca ngợi của ông, *Red Star over China*, được xuất bản lần đầu năm 1938, đã góp phần tạo ra hình ảnh tích cực về phong trào cộng sản Trung Quốc cả ở trong và ngoài Trung Quốc. Xem Edgar Snow, *Red Star over China*, bản đã sửa (New York: Grove Press, Inc., 1968).

³⁹ Chen, *Mao's China and the Cold War*, tr. 256.

⁴⁰ Snow đã đợi phỏng vấn Mao từ đầu tháng 10. Ngày 5-11, ông đã có cuộc phỏng vấn dài dòng với Chu Ân Lai về các vấn đề quốc tế. Nhưng cuộc gặp của ông với Mao bị trì hoãn nhiều lần.

⁴¹ “Minutes, Interview with Edgar Snow, 18 December 1970,” trong *Jianguo yilai Mao Zedong wengao* [Mao Zedong's Manuscripts since the Founding of the PRC], 15 tập (Beijing: Zhongyang Wenxian Chubanshe, 1987–1999), Tập 1, tr. 166–168

sẽ lâm nguy. Nếu có điều gì tôi muốn làm trước khi chết, đó chính là đến Trung Quốc. Nếu tôi không làm được, tôi muốn con cái mình sẽ làm điều đó.⁴²

Tuyên bố này không hề bị Bắc Kinh bỏ qua. Sau này Chu Ân Lai nhớ lại rằng những lãnh đạo Trung Quốc khởi động đối thoại bình thường hóa đã rất phấn khởi khi biết Nixon sẵn sàng giao tiếp với họ ở mức độ cá nhân và coi Trung Quốc là ngang bằng: "Từ đầu, ông ấy [Nixon] đã có thái độ là ông ta sẵn lòng đến Bắc Kinh để gặp chúng tôi."⁴³

Những tiếp xúc ban đầu và gián tiếp này giữa Washington và Bắc Kinh bao gồm những trao đổi tế nhị liên quan tới nghị trình thảo luận trực tiếp giữa các lãnh đạo hàng đầu của hai bên. Trong những lần giao tiếp mang tính thăm dò này, phía Trung Quốc thử hướng các cuộc trao đổi dự kiến vào việc rút các lực lượng Hoa Kỳ khỏi Đài Loan và thiết lập quan hệ ngoại giao Hoa Kỳ-Trung Quốc. Phía Hoa Kỳ lại muốn xác định một nghị trình rộng hơn và mở hơn, trong đó có việc thảo luận các vấn đề an ninh khu vực và toàn cầu. Thông qua kênh Pakistan, người Mỹ và người Trung Quốc đôi co với nhau về điều kiện cho các cuộc gặp gỡ cấp cao. Chu đã nói rằng mục đích duy nhất của các cuộc trao đổi phải là thảo luận về Đài Loan – một giới hạn mà chính quyền Nixon không thể chấp nhận. Khi Kissinger gửi cho Nixon biên bản cuộc nói chuyện với đại sứ Rumani Bogdan, Nixon đã viết lên phía trên: "Tôi tin là chúng ta đã tỏ ra quá hồ hởi. Hãy giãn ra. Đợi họ hồi đáp sáng kiến của chúng ta."⁴⁴

Mặc dù các quan chức Mỹ tiếp tục mặc cả rất cứng rắn, họ vẫn sẵn sàng có thêm những đề nghị thiện chí. Ngày 25-2-1971, chính quyền Nixon xuất bản "Báo cáo Chính sách Đối ngoại" thứ hai, trong đó nhắc lại mong muốn cải thiện quan hệ với Trung Quốc, và đây là văn bản đầu tiên của chính phủ Hoa Kỳ nhắc tới CHNDTH bằng tên chính thức của nước này.⁴⁵ Chính quyền [Hoa Kỳ] cũng nới lỏng hạn chế thương mại với Trung Quốc. Ngày 15-3, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ thông báo họ sẽ chấm dứt mọi hạn chế đối với những ai dùng hộ chiếu Hoa Kỳ để tới CHNDTH.⁴⁶

Việc hình thành ngoại giao bóng bàn diễn ra trong bối cảnh của tất cả những bước đi ấy. Việc Mao quyết định mời đội tuyển bóng bàn Hoa Kỳ tới Trung Quốc có

⁴² "I Did Not Want the Hot Words of TV' and Other Presidential Reflections in a Crisis Week," *Time*, Tập 96, Số 14 (5-10-1970), tr. 12

⁴³ Biên bản ghi nhớ cuộc hội thoại [Kissinger và Zhou Enlai], 9-7-1971, Box 1032, NSCF, NPMP, NARA.

⁴⁴ Henry Kissinger gửi Tổng thống, "Conversation with Ambassador Bogdan," 11-1-1971, Hồ sơ 2, Box 1031, NSCF, NPMP, NARA

⁴⁵ "Foreign Policy Report," Hồ sơ 1, Box 86, NSCF (HAK Office Files), NPMP, NARA.

⁴⁶ "U.S. China Policy 1969-72," tr. 3, Hồ sơ 1, Box 86, NSCF (HAK Office Files), NPMP, NARA. Trước đó, vào ngày 21-7-1969, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tuyên bố họ sẽ nới lỏng các hạn chế về đi lại với Trung Quốc. Du khách Hoa Kỳ được phép mang về hàng hóa Trung Quốc trị giá \$100.

một phần chủ ý là chuẩn bị cho người Trung Quốc đón nhận những chuyển hóa sắp diễn ra trong quan hệ Trung-Mỹ. Trung Quốc cử đội tuyển bóng bàn của mình đi Nhật Bản tháng Tư 1971 để tham dự Giải Bóng bàn quốc tế lần thứ 31 ở Nagoya, khi một đội của Mỹ cũng đang tham dự. Bằng cách đưa đội bóng bàn Trung Quốc đến Nhật Bản, Mao và Chu đã bác bỏ những quan điểm phản đối từ Bộ Ngoại giao và Ủy ban Thể dục Thể thao Nhà nước. Khi các quan chức từ hai cơ quan này đề nghị không cử đội bóng đi Nhật Bản, Chu đã liên hệ Mao vào ngày 13-3 để thúc giục ông ủng hộ sự tham gia của đội tuyển Trung Quốc. Mao tán thành và chỉ thị: "Hãy hành động như vậy. Đội tuyển của chúng ta phải đi và sẵn sàng cho việc bị ám sát. Tất nhiên, tốt hơn là không để bị giết. Đừng sợ hãi sự vất vả hay cái chết".⁴⁷

Trước khi đội Trung Quốc rời đi Nhật, Chu đã gặp các cầu thủ Trung Quốc và nói với họ rằng sự tham gia của Trung Quốc tại giải đấu quốc tế này là "một cuộc đấu tranh chính trị" và họ phải tuân thủ nguyên tắc "tình hữu nghị trên hết, cạnh tranh là thứ hai".⁴⁸ Rõ ràng với sự khuyến khích của Chu, hai đội Trung Quốc và Hoa Kỳ đã đối xử với nhau một cách thân ái. Kết quả của các lần gặp gỡ đó là lời mời "chính thức" đội Hoa Kỳ tới thăm Trung Quốc.⁴⁹ Mặc dù vào ngày 3-4 Bộ Ngoại giao đề xuất là phía Trung Quốc sẽ không có lợi lắm khi mời đội Hoa Kỳ tới Trung Quốc, Chu không hài lòng với khuyến nghị này và đề nghị Mao quyết định. Một lần nữa Mao lại bác ý kiến của Bộ Ngoại giao và quyết định mời đội Hoa Kỳ.⁵⁰

Không phải tình cờ mà Trung Quốc tìm cách cải thiện quan hệ với Hoa Kỳ đầu những năm 1970 thông qua ngoại giao bóng bàn. Người Trung Quốc rất giỏi bóng bàn, và kỹ năng vượt trội của họ sẽ được nhìn nhận một cách tích cực. Ngày 7-4, sau khi Mao ủng hộ việc mời đội Hoa Kỳ, Chu tin nhiệm giao nhiệm vụ cho các trợ tá lâu năm của mình là Hoàng Hoa và Zhang Wenjin. "[Chuyến thăm] này tạo cơ hội rất tốt để mở ra quan hệ giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ. Trong khi xử lý vấn đề này, chúng ta phải coi đó là một sự kiện quan trọng và hiểu rằng tầm quan trọng của nó về mặt chính trị lớn hơn về mặt thể thao."⁵¹ Richard Solomon lưu ý là các

⁴⁷ "Mao Zedong dui Zhou Enlai xin de pishi" [Written Instructions to Zhou Enlai's Letter from Mao Zedong], 15-3-1971: được trích dẫn trong Gao, *Wannian Zhou Enlai*, tr. 430; và Qian Jiang, *Xiaoqiu zhuandong daqiu: Pingpang wajiao muhou* [Little Ball Moves Big Ball: Behind the Ping-Pong Diplomacy] (Beijing: Dongfang Chubanshe, 1997), tr. 140.

⁴⁸ Zhongyang wenxian yanjiushi, *Zhou Enlai nianpu*, tr. 435

⁴⁹ Xue, ed., *Dangdai Zhongguo wajiao*, tr. 220.

⁵⁰ Qian, *Xiaoqiu zhuandong daqiu*, tr. 214–216; và Gao, *Wannian Zhou Enlai*, tr. 430–432

⁵¹ Qian, *Xiaoqiu zhuandong daqiu*, tr. 236; và Xu Dashen, ed., *Zhonghua renmin gongheguo shilu* [A Factual Record of the People's Republic of China] (Changchun, China: Jilin Renmin Chubanshe, 1994), tr. 698–699. Hoàng Hoa là người thân cận lâu năm của Chu Ân Lai và vào năm 1971 là đại sứ Trung Quốc tại Canada. Zhang Wenjin là Vụ trưởng vụ Tây Âu và châu Mỹ của Bộ Ngoại giao, và là

nhà lãnh đạo Trung Quốc đã “tận dụng về mặt chính trị môn thể thao mà Trung Quốc là vô địch thế giới và do đó [người Trung Quốc – ND] là ‘số một’”.⁵²

Chuyến thăm của đội bóng bàn Hoa Kỳ tới Trung Quốc được báo chí Trung Quốc đưa tin rộng rãi. Các trận đấu giữa các cầu thủ Trung Quốc và Hoa Kỳ được tường thuật trực tiếp trên sóng truyền hình và phát thanh.⁵³ Điểm nhấn của chuyến thăm là cuộc gặp của Chu với đội Trung Quốc và Hoa Kỳ cũng như với các đội từ bốn nước khác tại Đại Lễ đường Nhân dân ngày 14-4. Thủ tướng Trung Quốc tuyên bố: “Chuyến thăm của các bạn đã mở ra một chương mới trong lịch sử quan hệ giữa nhân dân Trung Quốc và Hoa Kỳ”.⁵⁴ Vài giờ đồng hồ sau buổi gặp, Washington tuyên bố năm biện pháp mới liên quan đến Trung Quốc, bao gồm chấm dứt cấm vận thương mại sau 22 năm, cho phép buôn bán những mặt hàng tương đương với những hàng hóa buôn bán với Liên Xô, chấm dứt việc kiểm soát tiền tệ của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc, và tiến hành quy trình cấp visa cho bất cứ người Trung Quốc nào muốn thăm Hoa Kỳ.⁵⁵ Trong vài ngày ngắn ngủi, ngoại giao bóng bàn đã thay đổi không khí chính trị giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ. Như Kissinger đã nói, sự hòa giải dần dần Trung-Mỹ đã trở thành “cơ chế động quốc tế” khiến “cả thế giới phấn khích”.⁵⁶

Sau chuyến thăm của đội tuyển Hoa Kỳ, Bắc Kinh và Washington bắt đầu lên kế hoạch cho các cuộc gặp cấp cao đã được thảo luận từ đầu năm 1970. Kênh Pakistan tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện giao tiếp giữa hai bên. Ngày 27-4, Washington nhận được lá thư dài hai trang viết tay (khác với những tuyên bố gián tiếp hay bằng miệng) từ Chu Ân Lai nhằm hồi đáp thông điệp của Nixon ngày 16-12-1970. Chu chính thức mời Nixon thăm Trung Quốc. Hai bên nhanh chóng nhất trí là Kissinger sẽ bí mật thăm Bắc Kinh nhằm thảo ra chương trình nghị sự cho chuyến thăm của tổng thống. Mọi bằng chứng đều cho thấy Lâm

trợ lý thân cận của Chu từ chuyến thăm của tướng Marshall tới Trung Quốc (nhằm thuyết phục Đảng Cộng sản và Quốc Dân Đảng tham gia một chính phủ thống nhất – NBT) năm 1946.

⁵² Richard Solomon, *Chinese Negotiating Behavior: Pursuing Interests through "Old Friends"* (Washington D. C.: United States Institute of Peace Press, 1999), tr. 30

⁵³ Những lời nói mở đầu các trận đấu của bình luận viên truyền hình Trung Quốc, nhấn mạnh rằng “từ lâu, tình hữu nghị đã tồn tại giữa nhân dân Mỹ và Trung Quốc”, và rằng “chuyến thăm của đội tuyển bóng bàn Mỹ sẽ tăng cường tình hữu nghị đó”, đã được chính Chu Ân Lai cẩn thận kiểm tra và chỉnh sửa. Xem Qian Jiang, *Pingpang wajiao shimo* [The Ping-Pong Diplomacy: The Beginning and the End] (Beijing: Dongfang Chubanshe, 1987), tr. 268–271.

⁵⁴ “Minutes, Zhou Enlai’s Conversations with the American Table Tennis Delegation,” 14-3-1971, trong *Zhou Enlai wajiao wenxuan* [Selected Diplomatic Papers of Zhou Enlai] (Beijing: Zhongyang Wenxian Chubanshe, 1990), tr. 469–475. Báo chí Trung Quốc đưa tin đậm đặc về cuộc gặp. Ví dụ, xem Nhân dân Nhật Báo (Bắc Kinh) số ra ngày 15-4-1971, tr. 1.

⁵⁵ “U.S. China Policy 1969–72,” Bảng 23.

⁵⁶ Kissinger, *White House Years*, tr. 710.

Bưư không hay biết về việc lên kế hoạch lúc đầu và không có vai trò gì trong sự kiện ngoại giao bóng bàn ấy.

Cuộc họp Bộ Chính trị tháng 5-1971 về chuyến thăm bí mật của Kissinger

Ngày 25-5-1971, trước thềm chuyến thăm bí mật của Kissinger, Chu Ân Lai đã gặp các quan chức cấp cao của Bộ Ngoại giao để thảo luận cách thức phản ứng với những thông điệp của Nixon ngày 10-5 khi nhận lời mời thăm Trung Quốc của Chu.⁵⁷ Ngày hôm sau, BCT ĐCSTQ họp để xem xét chính sách của Trung Quốc với Hoa Kỳ. Được sự cho phép của Mao, Chu đã trình bày khái quát về chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ, cho rằng khi Hoa Kỳ ở đỉnh cao quyền lực ngay sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai, Hoa Kỳ đã có thể can thiệp vào “bất cứ đâu trên thế giới”. Nhưng những năm gần đây, quyền lực Hoa Kỳ đã suy yếu. Chu duy trì quan điểm cho rằng việc can thiệp vào Việt Nam đã không còn được người dân Mỹ ủng hộ, buộc chính quyền phải dần rút quân ra khỏi Việt Nam. Trong lúc đó, ông ta cho rằng ảnh hưởng chính trị và kinh tế của Hoa Kỳ trên thế giới đã bắt đầu giảm xuống. Trước các điều kiện đó, Chu dự tính là các lãnh đạo Hoa Kỳ phải cân nhắc việc liệu họ có tiếp tục chính sách “hướng ngoại tổng lực” hay nên giảm sự can thiệp quốc tế của mình. Với phương án sau, việc đầu tiên là Washington cần rút khỏi Việt Nam và bởi vậy, người Mỹ cảm thấy cần phải thiết lập mối liên hệ với Trung Quốc. Chu nhấn mạnh rằng các diễn biến ấy đã giúp Trung Quốc có được “cơ hội cải thiện quan hệ Trung-Mỹ...[mà] sẽ có lợi cho cuộc đấu tranh chống lại sự bá chủ và mở rộng của chủ nghĩa đế quốc, có lợi cho việc duy trì hòa bình ở châu Á và trên thế giới, có lợi cho an ninh của nước ta và cho nỗ lực của chúng ta nhằm thống nhất tổ quốc một cách hòa bình.”⁵⁸

Sự đồng thuận tại cuộc họp của BCT sau đó được tóm tắt trong “Báo cáo về đối thoại Trung-Mỹ” do Chu soạn thảo. Báo cáo này làm rõ tám “nguyên tắc cơ bản” làm phương châm mới của Trung Quốc trong quan hệ với Hoa Kỳ:

1. Mọi lực lượng vũ trang và các cơ sở quân sự đặc biệt của Mỹ phải rút khỏi Đài Loan và khu vực eo biển Đài Loan trong một thời gian cố định. Đây là vấn đề then chốt trong việc phục hồi quan hệ giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ. Nếu không đạt được thỏa thuận về vấn đề này trước thì rất có thể sẽ trì hoãn chuyến thăm của Nixon.

⁵⁷ Zhongyang wenxian yanjiushi, *Zhou Enlai nianpu*, tr. 458; và Jin, *Zhou Enlai zhuan*, Tập 2, tr. 1096.

⁵⁸ Yang và Chen, *Zhou Enlai wajiao fengyun*, tr. 247–248

2. Đài Loan là lãnh thổ của Trung Quốc, và việc giải phóng Đài Loan là việc nội bộ của Trung Quốc. Không một nước nào được phép can thiệp. Việc cản trở để phòng những hành động của chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản đối với Đài Loan là cần thiết.
3. Chúng ta sẽ cố gắng giải phóng Đài Loan bằng các biện pháp hòa bình, và những nỗ lực liên quan đến vấn đề Đài Loan phải được triển khai một cách thận trọng.
4. Những nỗ lực nhằm tạo ra "hai Trung Quốc" hay "một Trung Quốc và một Đài Loan" sẽ cương quyết bị phản đối. Nếu Hoa Kỳ muốn thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, họ phải công nhận CHNDTH là chính phủ hợp pháp duy nhất đại diện cho Trung Quốc.
5. Nếu ba điều trên [1, 2 và 3] không được thực hiện đầy đủ, việc Trung Quốc và Hoa Kỳ sẽ thiết lập quan hệ ngoại giao là không phù hợp, nhưng có thể thiết lập một văn phòng liên lạc ở thủ đô của mỗi nước.
6. Chúng ta sẽ không nêu vấn đề [tư cách thành viên của Trung Quốc] ở Liên Hiệp Quốc. Nếu người Mỹ đưa vấn đề này ra, chúng ta sẽ nói rõ với họ rằng chúng ta sẽ không chấp nhận thu xếp kiểu "hai Trung Quốc" hay "một Trung Quốc và một Đài Loan".
7. Chúng ta sẽ không nêu vấn đề thương mại Trung-Mỹ. Nếu phía Mỹ nêu vấn đề này, chúng ta có thể thảo luận với họ chỉ sau khi nguyên tắc rút quân đội Mỹ khỏi Đài Loan đã được chấp nhận.
8. Chính phủ Trung Quốc giữ lập trường là các lực lượng quân sự Hoa Kỳ phải được rút khỏi ba nước Đông Dương, khỏi Hàn Quốc, khỏi Nhật Bản và khỏi Đông Nam Á để bảo đảm hòa bình ở Viễn Đông.⁵⁹

Tám nguyên tắc này bao trùm ba thay đổi đáng chú ý so với quan điểm trước đó của Trung Quốc. Thứ nhất, trong lúc yêu cầu quân đội Mỹ rút khỏi Đài Loan, Trung Quốc không còn khẳng định yêu cầu là Hoa Kỳ công khai cắt đứt quan hệ ngoại giao với Đài Loan làm tiền đề cho quan hệ giữa chính phủ Trung Quốc và Hoa Kỳ. Thứ hai, mặc dù Trung Quốc tiếp tục tuyên bố là sự "giải phóng" Đài Loan là công việc nội bộ của Trung Quốc, vấn đề này sẽ được giải quyết chỉ với các biện pháp hòa bình. Thứ ba, Trung Quốc đề xuất ý tưởng thiết lập văn phòng liên lạc ở cả hai thủ đô nếu không giải quyết được vấn đề Đài Loan trong tương lai trước mắt. Ba thay đổi này đồng nghĩa với một quan điểm thương lượng linh hoạt hơn nhiều.⁶⁰

⁵⁹ "Central Committee Politburo's Report on the Sino-American Meeting" (do Chu Ân Lai soạn thảo), 26-5-1971: được trích dẫn trong Gong Li, *Kuayue honggou: 1969-1979 Nian Zhongmei Guanxi de Yanbian* [Across the Chasm: The Evolution of Sino-American Relations, 1969-1979] (Zhengzhou, China: Henan Renmin Chubanshe, 1992), tr. 103-104; Jin, ed., *Zhou Enlai zhuan*, Tập 2, tr. 1096-1097; và Zhongyang wenxian yanjiushi, *Zhou Enlai nianpu*, tr. 458-459

⁶⁰ Gong, *Kuayue honggou*, tr. 104

Tám nguyên tắc cũng chứng tỏ là lãnh đạo Trung Quốc không thật sự sẵn sàng có những nhượng bộ lớn, nhất là về vấn đề Đài Loan. Sự thận trọng này không có gì đáng ngạc nhiên khi soi vào sự thù nghịch sâu sắc đã tồn tại giữa Bắc Kinh và Washington suốt hơn hai thập niên. Hơn nữa, như bản báo cáo của BCT đã chỉ rõ, lãnh đạo Trung Quốc nhận thấy là các cuộc hội đàm Trung-Mỹ có thể thất bại. Nhưng điểm chính là cho dù kết quả ra sao, các cuộc trao đổi đó cũng không hại gì Trung Quốc. Nếu chuyến thăm của Kissinger dẫn đến một thỏa thuận thì Nixon có thể đến Trung Quốc một cách công khai. Nếu đạt thêm tiến bộ với Nixon thì một tuyên bố chính thức về bình thường hóa rất có khả năng xảy ra trước bầu cử tổng thống Mỹ. Nguyên tắc chỉ đạo của Trung Quốc là để ứng xử với chính quyền đương nhiệm. Tuy nhiên, nếu chuyến thăm của Kissinger kết thúc trong thất bại thì Nixon sẽ có thể không thăm Trung Quốc. Trong trường hợp đó, việc Trung Quốc chứng tỏ sự linh hoạt đối với quan hệ Trung-Mỹ sẽ có thể giúp các đối thủ của Nixon trong bầu cử tổng thống.⁶¹

Để xóa tan nghi ngờ trong ĐCSTQ, BCT đã quy định rõ là việc họ thông qua chuyến thăm bí mật của Kissinger không có nghĩa là Trung Quốc đã làm dịu thái độ phản đối cương quyết trước chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Báo cáo nhấn mạnh là sự xích lại gần nhau giữa Trung-Mỹ sẽ không làm suy yếu cuộc đấu tranh của nhân dân Mỹ chống lại “tầng lớp cai trị tư bản độc quyền”. BCT nói rằng sự xích lại gần nhau có thể tạo ra sự “lay động” ngắn hạn trong Chiến tranh Việt Nam và các cuộc đàm phán hòa bình Paris, nhưng tiến bộ trong thảo luận Trung-Xô suy cho cùng sẽ củng cố vị trí của Hà Nội trong các cuộc hội đàm ở Paris. Hoa Kỳ sẽ có động cơ mạnh hơn để rút quân đi nếu sự xích lại giữa Trung-Mỹ chứng tỏ là trọng tâm đối đầu Mỹ-Xô là ở Châu Âu và Trung Đông chứ không phải ở Đông Á. BCT nhấn mạnh là việc mở màn giao tiếp Trung-Mỹ là “kết quả thắng lợi của cuộc đấu tranh của chúng ta chống lại chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa xét lại, và các thế lực phản động” cũng như là “kết quả tất yếu của cuộc khủng hoảng bên ngoài và bên trong của các nhà đế quốc Hoa Kỳ và sự cạnh tranh giành bá quyền thế giới giữa Hoa Kỳ và Liên Xô”. Nếu việc mở [các cuộc tiếp xúc –ND] thành công, thì “sự cạnh tranh giữa hai siêu cường” sẽ mạnh mẽ hơn; còn nếu thất bại, thì “bộ mặt phản động” của chủ

⁶¹ Gong Li, “Zhongguo de Gaoceng Juece yu Zhong Mei Guanxi Jiedong” [China’s High-Level Decision-Making and the Thawing of U.S.-China Relations], trong Jiang Changbin và Robert Ross, eds., *Cong Duizhi Zouxiang Huanhe Lengzhan Shiqi de Zhong Mei Guanxi zai Tanta* [From Confrontation to Détente—Reexamining Sino-American Relations during the Cold War] (Beijing: Shijie Zhishi Chubanshe, 2000), tr. 697

nghĩa đế quốc Mỹ sẽ càng bị lộ tẩy, và “nhận thức của nhân dân ta” sẽ được nâng cao.⁶²

Báo cáo của BCT đầy rẫy những lời lẽ cực tả, cách mạng của thời kỳ Cách mạng Văn hóa – dấu hiệu cho thấy lãnh đạo Trung Quốc đang gặp khó khăn trong việc ra quyết định xem làm thế nào để thể hiện quan hệ mới với Hoa Kỳ. Bản báo cáo tương đối chính xác khi nhận định là tập trung chiến lược của Hoa Kỳ là ở châu Âu chứ không phải ở Viễn Đông, và rằng lợi ích của Washington trong việc tổ chức đối thoại thể hiện các khó khăn quốc tế và trong nước, và rằng đối đầu Mỹ-Xô có thể tiếp tục. Tuy dùng các ngôn từ khủng khiếp nhưng báo cáo đã cho thấy nền tảng chính trị cho sự xích lại của Trung Quốc với Hoa Kỳ.

Mao thông qua dự thảo báo cáo của Chu ngày 29-5.⁶³ Mao thậm chí còn không tham dự cuộc họp của BCT, nhưng mình ông ta có tiếng nói quyết định với bản báo cáo. Ông ta xác định là Trung Quốc sẽ không nhất quyết phải có các điều kiện tiên quyết rồi mới bắt đầu các thảo luận cấp cao với Hoa Kỳ, và ông sẵn sàng chấp nhận thành công một phần. Tuy vậy, Mao và Chu tin rằng Nixon cần có đột phá với Trung Quốc để hỗ trợ chiến dịch bầu cử lần hai và rằng Kissinger sẽ chịu áp lực phải đạt được thỏa thuận. Họ đánh hơi thấy cơ hội gây áp lực lên Kissinger để khiến ông ta phải nhượng bộ. Chu đã dùng kênh Pakistan để gửi câu trả lời chính thức tới Washington ngày 29-5, dọn đường cho chuyến thăm bí mật của Kissinger đến Bắc Kinh vào tháng Bảy.⁶⁴

Sự cố Lâm Bưu

Sau khi chuyến thăm Bắc Kinh bí mật của Kissinger tỏ ra thành công vào tháng 7-1971, chính phủ Trung Quốc bắt đầu chuẩn bị cho người dân Trung Quốc về một chuyến thăm thứ hai công khai và “thoải mái” của Kissinger vào tháng Mười. Mặc dù không có sự phản đối có tổ chức nào đối với chính sách xích lại gần Hoa Kỳ của Mao nhưng nhà lãnh đạo này của Trung Quốc phải diễn đạt chính sách của mình theo một cách nhất quán về mặt ý thức hệ. Suy cho cùng, Hoa Kỳ đã bị biến thành quỷ dữ trong tuyên truyền của ĐSCTQ suốt hơn hai mươi năm. Ngày 17-8-1971,

⁶² Gong, *Kuayue honggou*, tr. 105–106. Theo hồ sơ chính thức, một vài thành viên BCT lo ngại về các mối liên hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc mới đã nêu ra hàng loạt câu hỏi. Một vài người tin rằng các cuộc thương lượng là bất thường và có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến “tinh thần chiến đấu” của người Mỹ. Những người khác hỏi liệu các cuộc đàm phán Trung-Mỹ có tác động tiêu cực đến chiến tranh Việt Nam và các cuộc hòa đàm ở Paris. Một vài người băn khoăn liệu các cuộc thương lượng đó có thể là mưu mẹo của Nixon và Kissinger. Xem Xu, *Zhonghua renmin gongheguo shilu*, tr. 713–714

⁶³ Jin, ed., *Zhou Enlai zhuan*, Tập 2, tr. 1096; Zhongyang wenxian yanjiushi, *Zhou Enlai nianpu*, tr. 458–459; và Pang và Jin, eds., *Mao Zedong zhuan*, tr. 1633

⁶⁴ Gong, *Kuayue honggou*, tr. 107.

Nhân Dân Nhật báo xuất bản bài viết của Mao "Về chính sách". Ra đời và xuất bản lần đầu năm 1940, bài viết này biện minh cho chính sách hợp tác với Quốc Dân Đảng Trung Quốc chống lại người Nhật. Mao đã kêu gọi một "cuộc đấu tranh vô cùng phức tạp" bao gồm một mặt trận đoàn kết chiến thuật với một kẻ thù ít nguy hiểm trực diện hơn ("kẻ thù thứ hai") để chống lại một kẻ thù nguy hiểm hơn ("kẻ thù chính").⁶⁵ Cách giải thích tương đồng và đôi chút rõ ràng hơn cũng được sử dụng trong một văn kiện nội bộ mật của ĐCSQT vào giữa tháng 7-1971, trấn an các cán bộ rằng chính Mao đã mời Nixon và rằng lời mời là "một chiến thuật khác trong cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa đế quốc".⁶⁶

Cuộc khủng hoảng chính trị bất ngờ trong hàng ngũ lãnh đạo ĐCSQT vào tháng 9-1971 đã khiến cho chuyến thăm của Kissinger trở nên dễ thuyết phục hơn đối với đảng. Bộ trưởng Quốc phòng Trung Quốc Lâm Bưu, người kế nhiệm được định sẵn của Mao và được coi là "đồng chí thân thiết nhất" và là "học trò trung thành và xuất sắc nhất" của Mao, đã bị kết tội âm mưu đảo chính nhằm ám sát Mao. Lâm cùng vợ, con trai và một số người ủng hộ chạy trốn khỏi Bắc Kinh nhưng chết trong một tai nạn máy bay bí ẩn ở Mông Cổ ngày 13-9.⁶⁷ Sự sụp đổ của Lâm củng cố vị trí của Chu, người mạnh mẽ ủng hộ việc Trung Quốc mở cửa quan hệ với những nơi khác của thế giới nói chung và với Hoa Kỳ nói riêng. Sự cố Lâm Bưu cũng làm hư hại huyền thoại "đúng đắn vĩnh viễn" của Mao. Giờ đây Mao càng muốn có đột phá lớn trong quan hệ đối ngoại của Trung Quốc nhằm xoa dịu khủng

⁶⁵ "A Strong Weapon to Unite the People and Defeat the Enemy—Study 'On Policy,'" *Nhân dân Nhật Báo* (Bắc Kinh), 17-8-1971, tr. 1, 4

⁶⁶ Tài liệu ghi ngày 21-7-1971 rõ ràng là thật. Xem Chao Ch'un-shan, "The Change in Peiping's Foreign Policy as Viewed from the Line Adapted by the CCP," *East Asia Quarterly*, Tập 5, Số 2 (Tháng 10-1973), tr. 81-97.

⁶⁷ Wang Nianyi, *Da dongluan de niandai* [In the Years of Great Upheaval] (Zhengzhou, China: Henan Renmin Chubanshe, 1988), tr. 415-433. Hai cuốn sách gần đây phân tích sự cố Lâm Bưu đã chiếu sáng vào quá khứ. Jin Qiu – con gái của tướng Ngô Pháp Hiến (tư lệnh không quân Trung Quốc, người sau này bị buộc tội âm mưu với Lâm Bưu để chống lại Mao) – đã nghi ngờ tài liệu chính thức của Bắc Kinh về sự cố Lâm Bưu. Bà cho rằng Lâm Bưu và các tướng lĩnh thật ra đã không lập âm mưu chống Mao. Jin cung cấp những chi tiết phong phú về các cuộc xung đột của gia đình họ Lâm trong vài giờ cuối cùng trước khi xảy ra tai nạn gây chết người mà Lâm gặp phải. Bà tuyên bố rằng Lâm Quả – con trai Lâm Bưu, đã không thể thực hiện một kế hoạch thô sơ nhằm ám sát Mao và rằng đích thân Lâm Bưu không bao giờ sẵn sàng thách thức quyền lực của Mao chứ chưa nói gì đến giết ông ta. Jin lập luận rằng chuyến bay ngày 13-9-1971 từ Bắc Kinh của Lâm Bưu là kết quả "ngẫu nhiên" từ sự sợ bị Mao thanh trừng. Xem Jin Qiu, *The Culture of Power: The Lin Biao Incident in the Cultural Revolution* (Stanford, CA: Stanford University Press, 1999), esp. ch. 7. Frederick C. Teiwes và Warren Sun kết luận là Lâm Bưu là nạn nhân thương tâm của quyền lực tuyệt đối của Mao. Họ viết: "Lâm Bưu quả thật đã bị mắc bẫy thảm khốc bởi chính văn hóa chính trị và hệ thống chính trị của ông ta.... một nạn nhân không thể thoát khỏi những nhu cầu ngày càng khó tiên định của Mao." Xem Frederick C. Teiwes and Warren Sun, *The Tragedy of Lin Biao: Riding the Tiger during the Cultural Revolution, 1966-1971* (Honolulu: University of Hawaii Press, 1996), tr. 166-167. Tuy nhiên, vai trò của Lâm Bưu trong chính sách đối ngoại, đặc biệt là chính sách với Hoa Kỳ, lại không phải là trọng tâm của hai cuốn sách này.

hoảng chính trị trong nước và cứu vãn quyền lực và danh tiếng đang giảm sút của ông.⁶⁸

Sau sự việc Lâm Bưu, Chu bắt đầu phi cấp tiến hóa các chính sách đối ngoại và đối nội của Trung Quốc. Được sự ủng hộ của Mao, Chu phát động một đợt vận động giáo dục chính trị, hạ giọng tuyên truyền chống Mỹ, và khôi phục tên gọi của các cửa tiệm cũ mà nhiều nơi trong số đó đã bị thay đổi hoặc xóa sổ từ đầu Cách mạng Văn hóa. Thông qua Đại sứ Huang Zhen ở Paris, lãnh đạo Trung Quốc thông báo cho Washington là sự việc Lâm Bưu không thay đổi thái độ của Trung Quốc với Hoa Kỳ và rằng Trung Quốc sẽ xúc tiến việc chuẩn bị cho chuyến thăm của Nixon – một sự đảm bảo nhận được sự chào đón trong nhẹ nhõm ở Washington.⁶⁹

Chuyến thăm Trung Quốc của Haig

Nhiệm vụ quan trọng nhất của chuyến thăm Bắc Kinh lần thứ hai của Kissinger là soạn bản dự thảo Thông cáo thượng đỉnh nhằm phát đi sau chuyến thăm của tổng thống. Thương lượng về vấn đề này hóa ra khá vòng vo. Khi Kissinger rời Bắc Kinh ngày 26-10-1971, hai bên đã thống nhất về mọi điểm trừ phần Đài Loan.⁷⁰ Khi không đạt được một cách trình bày cả hai bên cùng chấp nhận được, Kissinger bảo đảm với Chu rằng cấp phó của ông – Alexander Haig – sẽ mang đến một đề xuất mới vào tháng 1-1972.⁷¹ Ngày tháng được ấn định cho chuyến thăm của Tổng thống Nixon: 21 đến 28-2-1972.

Khi Haig đến Trung Quốc, ông đã gặp riêng Chu Ân Lai vào ngày 3 và 7-1-1972 để thảo luận cuộc khủng hoảng Ấn Độ-Pakistan, quan hệ Mỹ-Xô, và Việt Nam. Haig đã trao cho Chu bản dự thảo mới của Mỹ về đoạn nhạy cảm nói đến Đài Loan trong bản thông cáo cuối cùng được đề xuất.⁷² Bản dự thảo mới viết:

Phía Hoa Kỳ tuyên bố: Hoa Kỳ công nhận rằng mọi người dân Trung Quốc ở hai bên bờ eo biển Đài Loan cho rằng chỉ có một Trung Quốc và rằng Đài Loan là một tỉnh của Trung Quốc. Chính phủ Hoa Kỳ không thách thức quan điểm đó; nó khẳng định lại mối quan tâm thường xuyên của mình là việc giải quyết vấn

⁶⁸ 68. Gao, *Wannian Zhou Enlai*, tr. 427–428; và Chen, *Mao's China and the Cold War*, tr. 270.

⁶⁹ 69. Gao, *Wannian Zhou Enlai*, tr. 441–442.

⁷⁰ Wei Shiyan, "Jixing Dierci fang Hua" [Kissinger's Second Trip to China], in Pei Jianzhang, ed., *Xin Zhongguo wajiao fengyun* [Winds and Clouds in New China's Diplomacy] (Beijing: Shijie Zhishi Chubanshe, 1994), tr. 69.

⁷¹ POLO II—Bản đánh máy ghi âm Cuộc họp (26-10-1971, 5:30–8:10g sáng.), p. 15, Box 1034, NSCF, NPMP, NARA.

⁷² Haig Trip—Memoranda, 1-3-1972 (Midnight), tr. 1–8, Box 1037, NSCF, NPMP, NARA; Wei Shiyan, "Heige Shuai Xianqianzu wei Nikesong Fanghua Anpai de Jingguo" [The Course of Haig's Advance Team to China in Preparation for Nixon's Visit to China], in Pei, ed., *Xin Zhongguo wajiao fengyun*, Tập 3, tr. 73; and Kissinger, *White House Years*, tr. 1051.

đề Đài Loan phải được thực hiện thông qua thương lượng hòa bình; và nó tuyên bố rằng nó sẽ nỗ lực tạo ra các điều kiện cho phép việc giảm dần binh sĩ và các cơ sở quân sự của Hoa Kỳ ở Đài Loan.⁷³

Nhìn chung, Chu tỏ ra khá dễ chịu, nói rằng ông ta sẽ trả lời sau khi tham vấn Mao. Nhưng Chu nói thêm là nếu Hoa Kỳ thật sự muốn cải thiện quan hệ với Trung Quốc, họ nên có thái độ tích cực hơn về vấn đề Đài Loan: “Nếu [chúng tôi phải] chịu nhường những lực lượng nào đó phản đối việc bình thường hóa quan hệ Trung-Mỹ và rút lui khỏi quan điểm lúc trước thì điều đó chẳng đem lại lợi ích gì cho Trung Quốc và Hoa Kỳ.”⁷⁴

Haig đã sơ ý xúc phạm phía Trung Quốc khi ông chuyển lời đánh giá từ Nixon và Kissinger về xung đột Ấn Độ-Pakistan xảy ra gần đó. Haig nói với Chu rằng trong cuộc khủng hoảng ấy, Liên Xô đã rất cố gắng nhằm bao vây CHNDTH bằng cách mời Kissinger “đến thăm Matxcơva trong vai trò cá nhân với tư cách là khách của ông Brezhev trong một vài dịp khác nhau” và đề xuất “đạt thỏa thuận với Hoa Kỳ trong các lĩnh vực (nhằm tránh) các hành động khiêu khích quân sự và dẫn đến chiến tranh do sơ ý”. Hoa Kỳ đã phản đối đề nghị này của Liên Xô không chỉ bởi vì chính phủ Hoa Kỳ “không thể chấp nhận việc sử dụng vũ lực để phân rã” Pakistan mà còn vì việc duy trì sự đứng vững của Trung Quốc nằm trong lợi ích cơ bản của Hoa Kỳ.⁷⁵ Khi Chu báo cáo điều này với Mao, vị Chủ tịch đã phản ứng một cách tiêu cực: “Tại sao việc chúng ta đứng vững lại là mối quan tâm của Hoa Kỳ?...Nếu việc đứng vững và độc lập của Trung Quốc phải do người Mỹ bảo vệ thì sẽ rất nguy hiểm [cho chúng ta]”.⁷⁶ Mao nhấn mạnh là Trung Quốc sẽ duy trì quan điểm tự lực.

Haig và nhóm tiền trạm của ông bị đối xử lạnh nhạt ở cả Thượng Hải lẫn Hàng Châu sau khi ông không mời rượu lại các quan chức Thượng Hải – chủ nhà bữa tối đãi khách Hoa Kỳ ngày 7-1.⁷⁷ Các quan chức Bộ Ngoại giao Trung Quốc báo cáo việc này với Chu Ân Lai qua điện thoại. Mao đã phải trực tiếp can thiệp với các quan chức Thượng Hải để yêu cầu họ đối xử thân mật với nhóm của Haig, trong đó

⁷³ Kissinger’s Memorandum for the President, “Briefing Papers for the China Trip (Taiwan),” tr. 11, Folder 4, Box 847, NSCF, NPMP, NARA

⁷⁴ Haig Trip—Memcoms, 7-1-1972 (11:45g tối), tr. 5, Box 1037, NSCF, NPMP, NARA

⁷⁵ Haig Trip—Memcoms, 3-1-1972 (11:45g tối), tr. 5, Box 1037, NSCF, NPMP, NARA

⁷⁶ Wei, “Heige Shuai Xianqianzu wei Nikesong Fanghua Anpai de Jingguo,” tr. 78–79.

⁷⁷ Lãnh đạo Thượng Hải là những người ủng hộ thân cận của “Bè lũ Bốn tên” do vợ của Mao – bà Giang Thanh – cầm đầu. Khi ở Hàng Châu, nhóm tiền trạm của Haig được đưa tới Hồ Tây vào giữa mùa đông, bề ngoài ra vẻ là theo chỉ đạo của lãnh đạo Thượng Hải, trong một chiếc thuyền không được sưởi ấm và không có thức ăn. Để biết thêm chi tiết về vấn đề này, xem “Interview with Zhang Hanzhi, Interpreter, Chinese Foreign Ministry,” *American Experience: Nixon’s China Game*, VHS (PBS Home Video, 2000).

có buổi lễ chia tay ấm áp tại sân bay Thượng Hải ngày 10-7.⁷⁸ Sự việc này đã cho thấy phạm vi kiểm soát của Mao đối với việc hoạch định chính sách đối ngoại.

Tranh cãi xung quanh Thông cáo chung

Đỉnh điểm chuyến thăm của Nixon là việc ký Thông cáo chung Thượng Hải, mở ra một kỷ nguyên mới trong quan hệ Trung-Mỹ.⁷⁹ Sau khi Ngoại trưởng William Rogers thông qua thông cáo vào buổi sáng ngày 26-2-1972, các quan chức Bộ Ngoại giao đã phát hiện một lỗi có thể nghiêm trọng. Họ chỉ ra là trong văn kiện này, Washington khẳng định lại những cam kết hiệp ước của mình với các đồng minh ở châu Á là Nhật Bản, Nam Hàn, Philippines và Thái Lan và ngoại trừ Đài Loan, mặc dù hiệp ước phòng thủ chung với Đài Loan vẫn còn hiệu lực. Trợ lý Ngoại trưởng Marshall Green lưu ý là việc bỏ sót Đài Loan vô cùng tương đồng với vụ loại trừ nổi tiếng của Ngoại trưởng Dean Acheson đưa bán đảo Triều Tiên ra khỏi phạm vi phòng thủ của Hoa Kỳ vào tháng 1-1950, chỉ 5 tháng trước khi Bắc Hàn xâm lược Nam Hàn.⁸⁰ Mặc dù Green công nhận là nếu Hoa Kỳ tiếp sau đó đưa ra các tuyên bố đơn phương thì việc bỏ sót Đài Loan rất có thể sẽ không gây hiểu lầm cho các quan chức Trung Quốc, nhưng ông lập luận rằng sự giống nhau với sai lầm của Acheson chắc chắn sẽ khiến cánh hữu của Đảng Cộng hòa tức giận và tổn hại đến cơ hội tái đắc cử của Nixon.⁸¹

Vào phút cuối cùng, các quan chức Bộ Ngoại giao đã có thể khiến Nixon chú ý đến vấn đề này.⁸² Tổng thống đồng ý và ra lệnh cho Kissinger yêu cầu phía Trung Quốc sửa tuyên bố. Ngay tối đó, Kissinger cố gắng mở lại thương lượng với Thứ trưởng Ngoại giao Kiêu Quán Hoa. Kiêu từ chối sửa đổi dự thảo, cho rằng đã quá

⁷⁸ Mao ra lệnh cho các quan chức cấp cao nhất của Thượng Hải và yêu cầu họ bay về Thượng Hải để tổ chức tiệc chia tay cho nhóm của Haig. Để biết thêm chi tiết về vấn đề này, xem "Interview with Zhang Hanzhi".

⁷⁹ Ngày 27-2-1972, Hoa Kỳ và Trung Quốc ký bản thông cáo chính thức. Vì hai nước khi đó chưa có quan hệ ngoại giao chính thức nên văn kiện này được ghi là "Thông cáo Thượng Hải". Xem John H. Holdridge, *Crossing the Divide: An Insider's Account of the Normalization of U.S.-China Relations* (Boulder, CO: Rowman & Littlefield, 1997), tr. 95; và Kissinger, *White House Years*, tr. 1084

⁸⁰ Khi nói về phạm vi phòng thủ của Hoa Kỳ ở châu Á trong một bài diễn văn tại Câu lạc bộ Báo chí Quốc gia, Acheson đã loại trừ Hàn Quốc và Đài Loan. Các phê bình sau đó cho rằng điều đó đã giúp kích thích Bắc Triều Tiên tấn công Nam Triều Tiên. Xem Dean Acheson, *Present at the Creation: My Years in the State Department* (New York: W. W. Norton, 1969), tr. 356–358. Để xem đánh giá về sự liên quan của bài diễn văn của Acheson, xem Mark Kramer, "Ideology and the Cold War," *Review of International Studies*, Tập 25, Số 4 (Tháng 10-1999), tr. 541–544.

⁸¹ Marshal Green, John H. Holdridge, và William N. Stokes, eds., *War and Peace with China, First-Hand Experiences in the Foreign Service of the United States* (Bethesda, MD: Dacor Press, 1994), tr. 145–146; và Nancy Tucker, *Pattern in the Dust: Chinese-American Relations and the Recognition Controversy, 1949–1950* (New York: Columbia University Press, 1983), tr. 275.

⁸² Ross, *Negotiating Cooperation*, tr. 48.

muộn và Trung Quốc đã nhượng bộ nhiều nhằm đáp ứng mong muốn của Mỹ. “Bộ Chính trị Trung Quốc” – ông ta nói – “đã thông qua dự thảo cuối cùng từ đêm trước căn cứ trên sự bảo đảm của Hoa Kỳ là Tổng thống đã chấp thuận nó”. Rồi Kiều hỏi: “Làm sao chúng ta có thể thảo luận lại khi chỉ còn chưa đầy 24 tiếng là tuyên bố chính thức về Thông cáo?”⁸³ Nhưng khi Chu Ân Lai được thông báo về tình hình, ông lại khá sẵn sàng chiều lòng những quan ngại của Hoa Kỳ. Chu nói với Kiều rằng việc tạo ra cơ sở tâm lý cho mối quan hệ mới với Hoa Kỳ còn quan trọng hơn những trở ngại mà Kiều đã nêu. Chu hội ý với Mao, người có ý rằng “tất cả đều có thể xem xét lại ngoại trừ phần liên quan đến Đài Loan. Bất cứ nỗ lực nào nhằm thay đổi phần về Đài Loan sẽ khiến bỏ luôn việc ra Thông cáo”⁸⁴ Khi Kissinger và Kiều nổi lại thảo luận, họ đã giải quyết vấn đề bằng cách loại bỏ những tham chiếu về các cam kết hiệp ước khác để Đài Loan không bị bỏ sót.⁸⁵ Chuyện này một lần nữa cho thấy Mao có tiếng nói cuối cùng với các quyết định lớn mà không cần phải tham vấn các thành viên khác của BCT.

Kết luận

Cả Washington và Bắc Kinh hy vọng sẽ đem lại lợi ích cho an ninh của mình bằng cách xích lại gần nhau. Là một tổng thống mạnh về chính sách đối ngoại, Nixon quyết tâm giữ vững vị trí của Hoa Kỳ trong tình hình thế giới. Việc rút các lực lượng Mỹ khỏi Việt Nam là ưu tiên hàng đầu của Nixon, và ông ta tin rằng cải thiện quan hệ với Trung Quốc sẽ tạo điều kiện cho mục tiêu đó. Với lãnh đạo Trung Quốc, Liên Xô vào cuối những năm 1960 đã trở thành kẻ thù số một của Trung Quốc, trong khi Hoa Kỳ đã bớt nguy hiểm hơn. Các cuộc đụng độ biên giới với Liên Xô năm 1969 càng khiến Mao hạ quyết tâm tìm kiếm sự xích lại gần với Hoa Kỳ.

Tình hình chính trị nội địa ở cả hai nước cũng góp phần dẫn đến mối quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc tốt hơn. Ở Trung Quốc, các điều kiện chính trị đang cải thiện chậm chạp sau những tàn phá do giai đoạn căn bản của Cách mạng Văn hóa gây ra – giai đoạn đã kết thúc vào tháng 4-1979. Cả Mao và Chu đều muốn cải thiện quan hệ với Hoa Kỳ, và họ kiểm soát chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Mao đã không gặp phải sự phản đối công khai nào đối với chính sách mới của mình, nhưng ông rất lưu tâm tới nhu cầu phải chuẩn bị cho ĐCSTQ và dân chúng

⁸³ HongWen, ed., *Hezuo Huanshi Duikang: Jjiedou Zhong Mei Fenghui* [Cooperation or Confrontation—Decoding Sino-American Summits], tập 3 (Beijing: Jincheng Chubanshe, 1998), tr. 955; và Qiao-Kissinger Talks (26 February 1972, 10:20–1:40g sáng), trong “Dr. Kissinger’s Meetings in the PRC During the Presidential Visit, 1972,” tr. 9, hộp 92, NSCF, NPMP, NARA

⁸⁴ Hong, ed., *Hezuo huanshi duikang*, pp. 955–957; và Kissinger, *White House Years*, tr. 1083–1084.

⁸⁵ 85. Qiao-Kissinger Talks, tr. 4.

đón nhận sự đổi chiều sâu sắc trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Cuộc gặp công khai của ông ta với Edgar Snow vào ngày Quốc khánh Trung Quốc tháng 10-1970 được thiết kế nhằm tạo ra hình ảnh tích cực về người Mỹ. Bằng cách cử đội bóng bàn Trung Quốc tới Nhật Bản và mời đội bóng Hoa Kỳ tới Trung Quốc vào mùa xuân 1971, Mao đã bác bỏ khuyến nghị của Bộ Ngoại giao CHNDTH. Ông ta đã coi ngoại giao bóng bàn là cách thức hữu ích nhằm chuẩn bị cho giới tinh hoa và người dân Trung Quốc cho việc nối lại quan hệ sắp xảy ra giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc.

Trong suốt giai đoạn này, Mao đã ra mọi quyết định quan trọng liên quan đến chính sách của Trung Quốc với Hoa Kỳ. Là một nhà lãnh đạo có sức hút đang ở đỉnh cao của sự sùng bái cá nhân, Mao đã không cần hỏi ý kiến các quan chức cấp cao khác của Trung Quốc. Các nguồn của Trung Quốc không cho thấy có bất cứ sự phản đối mang tính có tổ chức nào đối với chính sách của Mao. Quá trình nhạy cảm dẫn tới đột phá với Hoa Kỳ đã càng củng cố mô hình “Mao Tư lệnh”. Lâm Bưu cùng vợ là Diệp Quần và bốn vị tướng phục vụ Lâm đều là thành viên BCT.⁸⁶ Nhưng Lâm không có mặt ở bất cứ cuộc họp nào của BCT ĐCSTQ từ cuối năm 1969 đến tháng 8-1971 với nội dung tập trung vào quan hệ Trung-Mỹ. Chu Ân Lai chủ trì các cuộc họp đó và gửi báo cáo tóm tắt cho Mao và Lâm để xin chỉ thị của họ. Vì Lâm phụ trách công tác quân sự chứ không phụ trách chính sách đối ngoại nên ông ta hiển nhiên chỉ đóng một vai trò phụ - mà thực chất là hầu như không tồn tại – trong quá trình hoạch định chính sách đối với Hoa Kỳ. Bút phê thường thấy của ông ta trong các văn bản này là “Hoàn toàn đồng ý với chỉ thị của Chủ tịch [Mao]”, hoặc là “Làm như chỉ thị của Chủ tịch”. Lâm không bao giờ có ảnh hưởng trực tiếp gì với quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc.⁸⁷

Các tài liệu và hồi ký của Trung Quốc khẳng định là cả Lâm lẫn các nhà lãnh đạo cấp tiến khác đều không đóng vai trò đáng kể nào hay có chút phản đối nào với chính sách của Trung Quốc với Hoa Kỳ. Hơn thế, bằng chứng cho thấy là bản thân Lâm không phản đối việc nối lại quan hệ Trung-Mỹ.⁸⁸ Nếu ông ta hay những

⁸⁶ Vợ Lâm – bà Diệp Quần – và bốn vị tướng quân đội (Huang Yongsheng, Wu Faxian (Ngô Pháp Hiển), Li Zuopeng và Qiu Huizuo (Khưu Hội Tác)) trở thành thành viên Bộ Chính trị tại Đại hội ĐCS lần 9 vào tháng 4-1969.

⁸⁷ Gao, *Wannian Zhou Enlai*, tr. 427.

⁸⁸ Sự cố Lâm Bưu tiếp tục thu hút sự quan tâm của giới học giả. Đã có nhiều nghiên cứu được xuất bản ở Hong Kong và Hoa Kỳ (bằng tiếng Trung) trong hai năm qua. Không có gì nhiều khi nói đến vai trò của Lâm trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Trung Quốc chứ chưa nói gì đến việc ông ta phản đối sự nối lại quan hệ Trung-Mỹ. Ví dụ, xem thêm XianWeiyue, *Lin Biao shijian zhiqingzhe zhengci* [The Lin Biao Incident: Testimony from the People in the Know] (Hong Kong: Xianggang Remin Chubanshe, 2006); Wang Nianyi, He Shu, and Chen Zhao, “Mao Zedong bichulai de ‘jiu.yisan Lin Biao chutao shijian’” [Mao Zedong Forced out “the Lin Biao Flee Incident of

người theo ông thật sự phản đối quyết định của Mao về vấn đề này thì chính phủ Trung Quốc chắc chắn đã giải mật hồ sơ liên quan của BCT để củng cố lời buộc tội của Mao.⁸⁹ Thế nhưng đến nay vẫn chưa có tài liệu nào như vậy được công bố.

Những phát hiện ở đây cho phép nhìn lại nền chính trị tinh hoa của Trung Quốc và việc nối lại quan hệ Trung-Mỹ, nhất là những gì mà giai đoạn này tiết lộ về thái độ của “những người cực tả” đối với các quyết định chính sách đối ngoại lớn của Mao. Những người cực tả, bao gồm Lâm Bưu và những người theo ông, các lãnh đạo cấp tiến như Giang Thanh (vợ của Mao), Khang Sinh, Trần Bá Đạt và các quan chức khác từ nhiều bộ khác nhau, những người nổi lên trong Cách mạng Văn hóa vì có quan điểm cấp tiến và trung thành với Mao, đã không thể hiện sự phản đối có tổ chức nào đối với Mao về những vấn đề chính sách đối ngoại có vẻ như đáng tranh cãi. Mặc dù những người cực tả đó có lẽ đã nhận thức được thay đổi chính sách đột ngột đối với “kẻ thù số một” khi đó – Hoa Kỳ - họ đã chiều theo quan điểm của Mao và cạnh tranh để giành ân sủng của Mao. Bởi vậy, mặc dù nhiệt tình ủng hộ Cách mạng Văn hóa và các chính sách cấp tiến ở nước ngoài nhưng họ không sẵn sàng đối đầu với Mao về chính sách với Hoa Kỳ.

Quan điểm cho rằng Lâm đã lập mưu chống lại Mao trong suốt giai đoạn này không thuyết phục. Lâm không quan tâm đặc biệt đến việc được bổ nhiệm làm người kế nhiệm Mao vào tháng 8-1966 và chủ yếu quan tâm đến việc tự bảo vệ mình. Với Lâm, cách tốt nhất để bảo vệ bản thân là theo Mao vô điều kiện. Ông ta tuân thủ chặt chẽ mọi quyết định của Mao và không bao giờ tự ra quyết định nếu chưa biết quan điểm của Mao. Thái độ của Lâm với Mao “thật sự là một trong những kiểu ‘Làm những gì Chủ tịch nói’”⁹⁰. Có lần Lâm nói với thư ký của mình là Zhang Yunsheng rằng “Tôi không có tài năng gì. Tôi biết gì là đều học từ Chủ tịch

September 13”] in He Qinglian, chief ed., *Ershi shiji houbanyue lishi jiemi* [Decoding History, 1950–2000] (Sunnyvale, CA: Broad Press Inc., 2004), tr. 267–291.

⁸⁹ Tuy vậy, có vài bằng chứng cho thấy năm 1950, Lâm có khác biệt với Mao trong vấn đề đưa quân đội Trung Quốc tới Triều Tiên và từ chối lãnh đạo lực lượng này. Trong hồi ký của mình, Lei Yingfu, một trợ tá quân sự của Mao và Chu trong chiến tranh Triều Tiên, hồi tưởng rằng Lâm đã phản đối mạnh mẽ sự can dự của Trung Quốc trong cuộc chiến Triều Tiên tại một hội nghị lãnh đạo cấp cao ngày 6-10-1950. Theo Lei, Lâm đã thốt lên: “Chiến đấu, chiến đấu. Chúng ta đã chiến đấu mấy thập niên rồi...Bây giờ nhân dân cần hòa bình. Rõ ràng dính líu thêm vào chiến trận là đi ngược lại mong muốn của nhân dân. Đất nước [chúng ta] vừa mới giải phóng, kinh tế trong nước còn nhiều lộn xộn, trang bị của quân đội cần được cải thiện.... Làm sao chúng ta có thể gánh chịu thêm chiến tranh? Hơn nữa, chúng ta có thể tự tin đánh Quốc Dân Đảng, chứ đánh nhau với quân đội hiện đại của Mỹ được trang bị bom nguyên tử [là chuyện khác hẳn]. Liệu chúng ta có [thật sự] làm được điều đó? Theo ý của tôi, Trung ương Đảng nên cân nhắc vấn đề này một cách thận trọng và có cách tiếp cận an toàn.” Xem Lei Yingfu và tất cả, *Tongshuaibu canmo de zhuihuai* [Recollections of the Headquarters Staff] (Jiangsu, China: Jiangsu Wenyi Chubanshe, 1994), tr. 169–170.

⁹⁰ 90. Gao, *Wannian Zhou Enlai*, tr. 427; và Jin, *The Culture of Power*, tr. 79.

Mao”.⁹¹ Hơn nữa, theo Zhang Yunsheng (thư ký của Lâm), Lâm không mấy quan tâm hay có kinh nghiệm gì về đối ngoại. Có lúc sau khi họp với bộ trưởng quốc phòng Anbani, Lâm đã kêu với nhân viên của mình là “làm việc với người nước ngoài thật không chịu nổi”.⁹² Đường như mỗi quan tâm chính của Lâm là vũ trang và chiến lược quân sự. Theo sử gia Jin Qiu, con gái của Tướng Ngô Pháp Hiến (Wu Faxian), Lâm “rất quan tâm tới gặp gỡ phía Mỹ, những người ông hy vọng có thể học hỏi được về công nghệ quân sự tân tiến”.⁹³ Lâm và những người theo ông không bao giờ tìm cách thách thức chính sách của Mao với Hoa Kỳ.

Vấn đề với các học giả phương Tây tin rằng Lâm Bưu phản đối việc nối lại quan hệ Trung-Mỹ là họ dùng các mô hình chính trị phương Tây để đo chính trị Trung Quốc. Theo quan sát của Frederick C. Teiwes và Warren Sun, “người phương Tây nghĩ về chính trị bằng những cách thức nhất định khiến họ khó chấp nhận thực tế Trung Quốc”.⁹⁴ Bài viết này cho thấy là việc dùng mô hình “chính trị bè phái” để xem xét việc hoạch định chính sách của Trung Quốc với Hoa Kỳ cuối những năm 1960 và đầu những năm 1970 là có vấn đề. Như sử gia Michael Hunt đã lưu ý cách đây một thập niên: “Quả thật sẽ rất mỉa mai nếu mô hình bè phái hóa ra lại chẳng mang đến một cách luận bàn tế nhị gì hơn về chính trị Trung Quốc so với việc các nhà phân tích của chính ĐCSTQ từng dựa vào các cuộc đấu tranh trong chủ nghĩa tư bản độc quyền nhằm giải thích chính trị Mỹ”.⁹⁵

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

⁹¹ Zhang Yunsheng, *Maojiawan jishi: Lin Biao mishu huiyilu* [True Account of Maojiawan: Reminiscences of Lin Biao's Secretary] (Beijing: Chunqiu Chubanshe, 1988), tr. 227.

⁹² Zhang, *Maojiawan jishi*, tr. 330.

⁹³ Jin, *Culture of Power*, tr. 205.

⁹⁴ Teiwes và Sun, *The Tragedy of Lin Biao*, tr. 164.

⁹⁵ Michael H. Hunt, *The Genesis of Chinese Communist Foreign Policy* (New York: Columbia University Press, 1996), tr. 242.

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo đọc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.
- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên cách trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: nghiencuuquocte@gmail.com.